



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 5

Số 47 + 48 (15/5/2010)

MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

20-4-2010 - Quyết định số 21/QĐ-UBND-ĐA30 về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2

6. Thủ tục Thay đổi tên cơ sở, trụ sở, quy chế của cơ sở xã hội, mã số hồ sơ: 092556

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi tên thủ tục hành chính

Lý do:

- Tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về việc quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội quy định: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh quyết định thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện”;

- Tại Điều 21 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về việc quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội quy định: “Người ra quyết định thành lập phải trả lời bằng văn bản về đề nghị của cơ sở; quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được văn bản trả lời, thì cơ sở bảo trợ xã hội được thực hiện việc thay đổi”;

Như vậy Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận - huyện là cơ quan thẩm quyền quyết định việc thay đổi tên cơ sở, trụ sở, giám đốc, quy chế của cơ sở bảo trợ ngoài xã hội ngoài công lập.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi tên thủ tục “Thay đổi tên cơ sở, trụ sở, quy chế của cơ sở xã hội” thành tên thủ tục “Thay đổi tên cơ sở, trụ sở, quy chế của cơ sở xã hội ngoài công lập” tại số thứ tự 19 mục XXIV Phần II thuộc lĩnh vực Bảo trợ xã hội trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thủ tục Gia hạn hoạt động cơ sở xã hội, mã số hồ sơ: 092560

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Gia hạn hoạt động cơ sở xã hội”

Lý do: Bãi bỏ thủ tục “Gia hạn hoạt động cơ sở xã hội” trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục “Gia hạn hoạt động cơ sở xã hội” số thứ tự 20 mục XXIV Phần II thuộc lĩnh vực Bảo trợ xã hội trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại UBND quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thủ tục Xây dựng “Nhà tình thương từ Quỹ “Vì người nghèo”, mã số hồ sơ: 092565

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xây dựng “Nhà tình thương từ Quỹ “Vì người nghèo”

Lý do: Tại Công văn số 136/1999/UBMT ngày 29/9/1999 của Ban vận động xây dựng nhà tình nghĩa - nhà tình thương thành phố về hướng dẫn bổ sung thực hiện quy trình xây dựng nhà tình thương, như vậy đây công việc do cơ quan nhà nước thực hiện theo chức năng quản lý và không đủ yếu tố hình thành thủ tục.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục Xây dựng “Nhà tình thương từ Quỹ Vì người nghèo” số thứ tự 21 mục XXIV Phần II thuộc lĩnh vực Bảo trợ xã hội trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố đã được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

XXIV. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Người có công

1. Thủ tục Đề nghị cấp lại bằng Tổ quốc ghi công (đối với trường hợp bị hư hỏng, rách nát, mất mát hoặc bị thất lạc), mã số hồ sơ: 092625

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đề nghị cấp lại bằng Tổ quốc ghi công (đối với trường hợp bị hư hỏng, rách nát, mất mát hoặc bị thất lạc)”

Lý do: Tại khoản 3 Thông tư số 02/2007/TT-BLĐTBXH ngày 16/01/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung, sửa đổi một số điểm của Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng quy định trách nhiệm giải quyết thủ tục Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” trong các trường hợp bị hư hỏng, thất lạc được thực hiện như sau:

- Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

+ Căn cứ vào hồ sơ gốc của liệt sĩ để viết Bằng “Tổ quốc ghi công”.

+ Lập tờ trình kèm danh sách và viết Bằng “Tổ quốc ghi công” trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” cho gia đình liệt sĩ.

- Hồ sơ cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” chuyển đến Văn phòng Chính phủ

Như vậy theo quy định thì việc thực hiện thủ tục này do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh thực hiện và không cần thiết phát sinh thủ tục này tại cấp huyện.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đề nghị cấp lại bằng Tổ quốc ghi công (đối với trường hợp bị hư hỏng, rách nát, mất mát hoặc bị thất lạc)” số thứ tự 01 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức tiếp nhận hồ sơ một cửa tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sửa đổi việc quy định thực hiện thủ tục là “Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” trường hợp bị hư hỏng, rách nát, mất mát hoặc thất lạc” thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được thay thế việc quy định “Phân cấp thẩm quyền giải quyết cho Ủy ban nhân dân cấp huyện”, vì:

- Đây là thủ tục cần thiết để thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng.

- Đa số các thủ tục thuộc lĩnh vực này do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nhưng không quy định cụ thể thời gian giải quyết hồ sơ cho từng cấp chính quyền (xã, huyện, thành phố); không quy định rõ số lượng hồ sơ cần nộp.

- Thực tế khi thực hiện thủ tục này tại cấp xã, huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đều cùng giải quyết một công việc kiểm tra đối chiếu hồ sơ với lời khai của người đứng khai, cụ thể: tại xã đối chiếu và xác nhận, tại huyện lại đối chiếu và xác nhận, đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố lại đối chiếu hồ sơ và ra quyết định. Như vậy, thời gian giải quyết kéo dài gây bức xúc cho đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi.

- Nếu phân cấp thẩm quyền giải quyết cho cấp huyện thì về hiệu quả trước hết thời gian giải quyết nhanh; Đáp ứng được yêu cầu phục vụ chính trị tại địa phương; Giảm được chi phí khi thực hiện thủ tục này, cụ thể như: đi lại nộp hồ sơ (từ xã đến huyện; từ huyện đến sở); nhận kết quả (ngược lại từ sở đến huyện, từ huyện xuống lại xã).

2. Thủ tục Cấp giấy báo tử (đối với trường hợp người hy sinh thuộc cơ quan quận - huyện hoặc phường - xã, thị trấn và doanh nghiệp đóng trên địa bàn quận - huyện), mã số hồ sơ: 092650

2.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Bổ sung quy định thời gian giải quyết

Lý do: Tại khoản 1 Thông tư số 25/2007/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn bổ sung việc thực hiện ưu đãi đối với người có công với cách mạng không quy định thời gian giải quyết.

b) Bổ sung quy định số lượng hồ sơ

Lý do: Tại khoản 1 Thông tư số 25/2007/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn bổ sung việc thực hiện ưu đãi đối với người có công với cách mạng không quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp.

2.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Bổ sung quy định tại khoản 1 Thông tư số 25/2007/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn bổ sung việc thực hiện ưu đãi đối với người có công với cách mạng, cụ thể như sau:

- Thời gian giải quyết: “Không quá 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ do các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn hoặc doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện chuyển đến”.

- Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

3. Thủ tục Công nhận liệt sĩ và giải quyết chế độ ưu đãi thân nhân liệt sĩ, mã số hồ sơ: 092660

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bãi bỏ một số loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ đã được công bố

Lý do: Tại Phần II Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng quy định là giấy báo tử, tuy nhiên nội dung công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành phần hồ sơ là Giấy xác nhận liệt sĩ và yêu cầu công văn đề nghị cấp bằng Tổ quốc ghi công và danh sách đề nghị cấp bằng Tổ quốc ghi công là không cần thiết.

b) Bổ sung quy định thời gian giải quyết và số lượng hồ sơ cần nộp

Lý do: Tại khoản 6 Thông tư số 25/2007/TT-BLĐTBXH ngày 15/11/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn bổ sung việc thực hiện ưu đãi đối với người có công với cách mạng không có quy định thời gian giải quyết và số lượng bộ hồ sơ cần nộp.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thành phần hồ sơ, gồm: “Giấy đề nghị xác nhận liệt sỹ”; “Công văn đề nghị cấp bằng Tổ quốc ghi công và danh sách đề nghị cấp bằng Tổ quốc ghi công” được thay thế trong thành phần hồ sơ là “giấy báo tử” tại số thứ tự 03 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố đã được công bố tại

Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung quy định tại khoản 6 Thông tư số 25/2007/TT-BLĐTBXH ngày 15/11/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn bổ sung việc thực hiện ưu đãi đối với người có công với cách mạng, nội dung: “Thời gian giải quyết tại quận - huyện là không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 03 bộ”.

4. Thủ tục Đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, mã số hồ sơ: 092667

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung quy định số lượng hồ sơ và thời gian giải quyết

Lý do: Các văn bản quy định thực hiện thủ tục này đều không quy định về số lượng hồ sơ cần nộp và thời gian giải quyết thủ tục.

b) Bãi bỏ một số loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc yêu cầu giấy chứng nhận hy sinh hoặc giấy báo tử của liệt sỹ trong thành phần hồ sơ là không cần thiết, vì đã có bản sao bằng Tổ quốc ghi công trong thành phần hồ sơ.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị định số 176/1994/NĐ-CP, ngày 20/10/1994 của Chính phủ về việc thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”, nội dung: “Số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 03 bộ”.

- Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 176/1994/NĐ-CP, ngày 20/10/1994 của Chính phủ về việc thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” nội dung: “thời gian giải quyết đối với quận - huyện là 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ”.

- Bãi bỏ nội dung công bố loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ: “Giấy chứng nhận hy sinh; Giấy chứng nhận của liệt sỹ” tại số thứ tự 04 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân

dân quận - huyện trên địa bàn thành phố đã được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thủ tục Giải quyết chế độ đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động trong kháng chiến, mã số hồ sơ: 092675

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung quy định số lượng hồ sơ và thời gian giải quyết

Lý do: Các văn bản quy định thực hiện thủ tục này đều không quy định về số lượng hồ sơ cần nộp và thời gian giải quyết thủ tục.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định tại mục IV Phần I Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, nội dung: “Thời gian giải quyết thủ tục đối với cấp quận - huyện không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

6. Thủ tục Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, mã số hồ sơ: 092680

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh”

Lý do: Tại điểm 1.3 khoản 1 mục V Phần I Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng quy định thẩm quyền giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh là:

- * Bộ Quốc phòng và Bộ Công an cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp;
- * Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận và trợ cấp người hưởng chính sách như thương binh.

Như vậy cấp quận - huyện không có thẩm quyền giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chỉ lập giấy chứng nhận bị thương.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh” số thứ tự 06 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Biện pháp thay thế “Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện”.

7. Thủ tục Giải quyết chế độ đối với bệnh binh, mã số hồ sơ: 092681

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết chế độ đối với bệnh binh”

Lý do: Tại điểm 1.3 khoản 1 mục V Phần I Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng quy định thẩm quyền giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh là:

* Bộ Quốc phòng và Bộ Công an cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp;

* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận và trợ cấp người hưởng chính sách như thương binh.

Như vậy cấp quận - huyện không có thẩm quyền giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chỉ lập giấy chứng nhận bị thương.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết chế độ đối với bệnh binh” số thứ

tự 07 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Biện pháp thay thế “Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện”

8. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận bị thương, mã số hồ sơ: 092682

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên thủ tục hành chính

Lý do: Tại mục 5 Phần I của Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, quy định về thủ tục “Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (gọi chung là thương binh)” và việc “Cấp giấy chứng nhận bị thương” là 01 loại giấy tờ để thực hiện thủ tục này.

b) Bổ sung quy định thời gian giải quyết.

Lý do: Tại mục 5 Phần I Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng không có quy định thời gian giải quyết thủ tục này.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa tên thủ tục “Cấp giấy chứng nhận bị thương” được thay thế thành thủ tục “Cấp giấy chứng nhận bị thương và đề nghị giải quyết chế độ cho người hưởng chính sách như thương binh” số thứ tự 08 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung quy định tại mục 5 Phần I Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ

thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, nội dung: “Thời gian giải quyết không quá 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

9. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, mã số hồ sơ: 0926983

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa tên thủ tục hành chính

Lý do: Tại mục VII Phần I của Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, quy định về thủ tục “Cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học” và việc “Cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học” đã được thay thế tại Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung mục VII Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 29/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Bổ sung quy định thời gian giải quyết

Lý do: Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung mục VII Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 29/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng không quy định thời gian giải quyết thủ tục này.

c) Bãi bỏ mẫu đơn, mẫu tờ khai

Lý do: Về mẫu tờ khai, gồm: “Biên bản xác nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (Mẫu số 3-HH)” và “Biên bản giám định bệnh tật (Mẫu số 6-HH)” do cơ quan giải quyết thủ tục thực hiện và không yêu cầu cá nhân thực hiện khi làm thủ tục này.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa tên thủ tục “Cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học” được thay thế thành thủ tục “Cấp giấy chứng nhận và đề nghị giải

quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học” số thứ tự 09 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung quy định tại Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung mục VII Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 29/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, nội dung: “Thời gian giải quyết không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

- Bãi bỏ mẫu tờ khai, gồm: Biên bản xác nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (Mẫu số 3-HH), Biên bản giám định bệnh tật (Mẫu số 6-HH) số thứ tự 09 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

10. Thủ tục Giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, mã số hồ sơ: 092685

10.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học”

Lý do: Tại tiết c điểm 2.5 khoản 2 Phần I Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07/4/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung mục VII Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 29/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng quy định thẩm quyền giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học thuộc thẩm quyền giải quyết là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố. Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan cấp giấy chứng nhận và đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố xem xét và giải quyết.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học” số thứ tự 10 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

11. Thủ tục Giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày, mã số hồ sơ: 092686

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày”

Lý do:

- Thẩm quyền quyết định trợ cấp cho người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố.

- Hiện nay Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ thực hiện công tác kiểm tra hồ sơ và lập danh sách kèm hồ sơ chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố ra Quyết định trợ cấp cho người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày.

Như vậy việc Giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày” số thứ tự 11 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

12. Thủ tục Đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, mã số hồ sơ: 092778

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc”

Lý do:

- Thẩm quyền quyết định trợ cấp cho người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố.

- Hiện nay Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ thực hiện công tác tiếp nhận hồ sơ và lập danh sách kèm hồ sơ chuyên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố ra Quyết định trợ cấp cho người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày.

Như vậy việc Giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc” số thứ tự 12 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

13. Thủ tục Đề nghị giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng, mã số hồ sơ: 092784

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đề nghị giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng”

Lý do:

- Thẩm quyền quyết định trợ cấp cho người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chỉ thực hiện công tác tiếp nhận hồ sơ và lập danh sách kèm hồ sơ chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố ra Quyết định trợ cấp cho người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày.

Như vậy việc Giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đề nghị giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng” số thứ tự 13 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

14. Thủ tục Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945, mã số hồ sơ: 092793

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945”

Lý do: Việc công nhận người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945 thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Thường vụ Thành ủy. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chỉ thực hiện công tác nghiệp vụ chi trả tiền trợ cấp ưu đãi đối với đối tượng là người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945 sau khi được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định trợ cấp, phụ cấp; phiếu trợ cấp, phụ cấp.

Như vậy việc Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945 không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945” số thứ tự 14 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công

trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

15. Thủ tục Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng tù ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945, mã số hồ sơ: 092799

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng tù ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945”

Lý do: Việc công nhận người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945 thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Thường vụ Thành ủy. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chỉ thực hiện công tác nghiệp vụ chi trả tiền trợ cấp ưu đãi đối với đối tượng là người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945 sau khi được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định trợ cấp, phụ cấp; phiếu trợ cấp, phụ cấp.

Như vậy việc Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng tù ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945 không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng tù ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945” số thứ tự 15 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

16. Thủ tục Đề nghị giải quyết chế độ đối với thân nhân người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01/01/1995, mã số hồ sơ: 092803

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đề nghị giải quyết chế độ đối với thân nhân người hoạt động

cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01/01/1995”

Lý do: Thẩm quyền quyết định trợ cấp giải quyết chế độ đối với thân nhân người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01/01/1995 là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chỉ thực hiện công tác tiếp nhận hồ sơ và lập danh sách kèm hồ sơ chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố ra Quyết định trợ cấp cho người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày.

Như vậy việc đề nghị giải quyết chế độ đối với thân nhân người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01/01/1995 không đủ yếu tố của thủ tục hành chính

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đề nghị giải quyết chế độ đối với thân nhân người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01/01/1995” số thứ tự 16 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

17. Thủ tục Đề nghị trợ cấp tuất hàng tháng đối với thân nhân: người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945; thương binh (kể cả thương binh loại B), bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, mã số hồ sơ: 092809

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đề nghị trợ cấp tuất hàng tháng đối với thân nhân: người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945; thương binh (kể cả thương binh loại B), bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên”

Lý do: Thảm quyền quyết định trợ cấp tuất hàng tháng đối với thân nhân: người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945; thương binh (kể cả thương binh loại B), bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên là là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chỉ thực hiện công tác tiếp nhận hồ sơ và lập danh sách kèm hồ sơ chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố ra Quyết định trợ cấp cho người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày.

Như vậy việc đề nghị giải quyết chế độ đối với thân nhân người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01/01/1995 không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đề nghị trợ cấp tuất hàng tháng đối với thân nhân: người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945; thương binh (kể cả thương binh loại B), bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên” số thứ tự 17 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

18. Thủ tục Đề nghị giải quyết mai táng phí đối với thân nhân người có công với cách mạng hưởng trợ cấp một lần đã từ trần gồm: người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày; người hoạt động kháng chiến được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến, Huân chương, Huy chương chiến thắng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, mã số hồ sơ: 092814

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đề nghị giải quyết mai táng phí đối với thân nhân người có công với cách mạng hưởng trợ cấp một lần đã từ trần gồm: người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày; người hoạt động kháng chiến được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến, Huân chương, Huy chương chiến

thắng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến”.

Lý do: Trùng lặp với thủ tục “Giải quyết hồ sơ hưởng mai táng phí và trợ cấp một lần trường hợp người có công cách mạng từ trần hưởng trợ cấp hàng tháng, mã số hồ sơ 092831”.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đề nghị giải quyết mai táng phí đối với thân nhân người có công với cách mạng hưởng trợ cấp một lần đã từ trần gồm: người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày; người hoạt động kháng chiến được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến, Huân chương, Huy chương chiến thắng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến” số thứ tự 18 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

19. Thủ tục Đề nghị giải quyết mai táng phí và trợ cấp một lần đối với thân nhân người có công cách mạng hưởng trợ cấp một lần đã từ trần gồm: liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động trong kháng chiến; thương binh (kể cả thương binh loại B), bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của họ đang hưởng trợ cấp; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng Bằng có công với nước, Huân chương kháng chiến, mã số hồ sơ: 092819

19.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Đề nghị giải quyết mai táng phí và trợ cấp một lần đối với thân nhân người có công cách mạng hưởng trợ cấp một lần đã từ trần gồm: liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động trong kháng chiến; thương binh (kể cả thương binh loại B), bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của họ đang hưởng trợ cấp; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng Bằng có công với nước, Huân chương kháng chiến”

Lý do: Trùng lặp với thủ tục “Giải quyết hồ sơ hưởng mai táng phí và trợ cấp một lần trường hợp người có công cách mạng từ trần hưởng trợ cấp hàng tháng, mã số hồ sơ 092831”.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đề nghị giải quyết mai táng phí và trợ cấp một lần đối với thân nhân người có công cách mạng hưởng trợ cấp một lần đã từ trần gồm: liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động trong kháng chiến; thương binh (kể cả thương binh loại B), bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của họ đang hưởng trợ cấp; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng Bằng có công với nước, Huân chương kháng chiến” số thứ tự 19 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

20. Thủ tục Giải quyết hồ sơ hưởng mai táng phí và trợ cấp một lần trường hợp người có công cách mạng từ trần hưởng trợ cấp hàng tháng, mã số hồ sơ: 092831

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung quy định việc phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện

Lý do: Trên cơ sở kết quả thực hiện thủ tục này là chi trả tiền mai táng phí và trợ cấp một lần cho thân nhân đối tượng là người có công, tuy nhiên khi thực hiện thủ tục này cá nhân là người thực hiện phải tốn nhiều thời gian mới nhận được tiền, cụ thể: mỗi lần giải quyết một hồ sơ huyện phải đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nộp và nhận kết quả trong năm 2008 và 6 tháng đầu năm 2009 huyện đã giải quyết 523 trường hợp, mỗi lần đi như vậy tiền công tác phí, lương cho cán bộ 01 ngày công khoảng 100.000đ/01 hồ sơ; như vậy chi phí đi lại để giải quyết thủ tục này trong 18 tháng là 52.300.000đ; thời gian giải quyết thường kéo dài khoảng 60 ngày do không có quy định thời hạn. Nếu thủ tục này thực hiện phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thì chi phí này không phát sinh và thời gian giải quyết khoảng 02 ngày làm việc.

b) Bãi bỏ quy định thành phần hồ sơ

Lý do: Về quy định thành phần hồ sơ tại các văn bản:

+ Tại tiết b, điểm 1.2; tiết b, điểm 1.3, khoản 1, mục XII Phần I của Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng quy định trong thành phần hồ sơ có “Quyết định trợ cấp (mẫu số 12-TT2) của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” là không hợp lý, vì chưa giải quyết trợ cấp thì làm sao cá nhân có quyết định trợ cấp để nộp.

+ Tại tiết a điểm 1.2 khoản 1 mục XII Phần I của Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng quy định trong thành phần hồ sơ có “Hồ sơ của người có công với cách mạng hưởng trợ cấp hàng tháng: thân nhân liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động trong kháng chiến; thương binh (kể cả thương binh loại B), bệnh binh suy giảm khả năng lao động dưới 61%; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của họ đang hưởng trợ cấp; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng Bằng “Có công với nước, Huân chương kháng chiến”

+ Tại tiết a điểm 1.3 khoản 1 mục XII Phần I của Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng quy định trong thành phần hồ sơ có “Hồ sơ của người có công với cách mạng hưởng trợ cấp một lần: người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày; người hoạt động kháng chiến được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến, Huân chương, Huy chương chiến thắng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến”.

Việc quy định như trên là chưa rõ ràng khó thực hiện cho cán bộ cũng như cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính và cũng không cần thiết vì mục đích của việc cung cấp hồ sơ này là để kiểm tra số hồ sơ đang quản lý (HM).

c) Bãi bỏ quy định không có văn bản của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố

Lý do: Trong thành phần hồ sơ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố yêu cầu phải có giấy xác nhận có hưởng hay không hưởng trợ cấp mai táng phí ở Bảo hiểm xã hội. Nội dung yêu cầu này không có văn bản quy định. Nhưng thực tế Sở yêu

cầu là vì tránh trường hợp đối tượng được nhận mai táng phí 02 lần (một là của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, một là của cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp) nên mới quy định thêm thành phần hồ sơ này.

d) Bổ sung quy định thời gian giải quyết

Lý do: Với thủ tục này việc thực hiện rất đơn giản không cần thẩm định hay xác minh, khi tiếp nhận hồ sơ tại xã cán bộ quản lý thương binh, xã hội của xã, chỉ cần đối chiếu với hồ sơ quản lý của địa phương với bản khai của thân nhân người có công và xác nhận các nội dung theo yêu cầu sau: đối tượng đang quản lý thuộc diện gì, số hồ sơ có công (HM); có hay không hưởng chế độ bảo hiểm xã hội sau đó chuyển về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để giải quyết, do vậy việc quy định thời gian giải quyết cho từng cấp là cần thiết nhưng chưa được quy định.

đ) Bổ sung nội dung xác nhận vào mẫu đơn (mẫu số 12-TT 1)

Lý do: Để tránh trường hợp gia đình của đối tượng từ trần nhận 02 lần tiền mai táng phí

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Điều chỉnh quy định tại tiết 2.3 khoản 2 mục XII Phần I Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, nội dung: “Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thủ tục Giải quyết hồ sơ hưởng mai táng phí và trợ cấp một lần trường hợp người có công cách mạng từ trần hưởng trợ cấp hàng tháng. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm lập danh sách trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định trợ cấp mai táng phí và trợ cấp một lần”.

- Bãi bỏ nội dung quy định tại tiết b điểm 2.4 khoản 2 mục XII Phần I Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

- Bổ sung tại khoản 2 Phần XII Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng “Thời gian giải quyết tại cấp huyện là 07 ngày làm việc”.

- Bổ sung nội dung xác nhận đối tượng từ trần có hưởng bảo hiểm xã hội hay

không hưởng bảo hiểm xã hội tại Phần Xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã vào Mẫu đơn số 12 TT1 tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

- Bãi bỏ việc quy định không có văn bản của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố được thay thế kiến nghị bổ sung quy định “trong nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã tại bản khai của thân nhân người có công xác nhận thêm nội dung là đối tượng có hưởng chế độ ở cơ quan bảo hiểm xã hội hay không?” Không cần thiết quy định thêm một giấy xác nhận có hưởng hay không hưởng mai táng phí bảo hiểm xã hội, vì như thế phiền hà, rườm rà.

21. Thủ tục Giải quyết chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công cách mạng và con của họ, mã số hồ sơ: 092850

21.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bổ sung quy định việc phân cấp thẩm quyền giải quyết cho Ủy ban nhân dân cấp huyện

Lý do: Trong suốt quá trình thực hiện thủ tục “Giải quyết chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công cách mạng và con của họ” tại 03 cấp (xã, huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) cùng giải quyết một công việc là kiểm tra và đối chiếu để ra quyết định giải quyết và chuyển kết quả giải quyết lại cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện cấp phát chi đối tượng được hưởng. Như vậy việc giải quyết mất thời gian tốn chi phí để thực hiện một thủ tục hành chính là không cần thiết, cụ thể trong năm 2009 huyện đã giải quyết là 563 trường hợp, nếu tính chi phí 100.000 đồng/trường hợp thì chi phí đi lại để thực hiện thủ tục này là 56.300.000 đồng.

21.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

- Điều chỉnh quy định tại tiết b điểm 2.1 khoản 2 Phần III của Thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC, ngày 20/11/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ, nội dung: “Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thủ tục Giải quyết chế

độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công cách mạng và con của họ. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm lập danh sách trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định trợ cấp mai táng phí và trợ cấp một lần”.

- Bãi bỏ nội dung tại tiết c điểm 2.1 khoản 2 Phần III của Thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC, ngày 20/11/2006 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.

22. Thủ tục Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng được quản lý ở địa phương tại nơi có hộ khẩu thường trú thay đổi chỗ ở, mã số hồ sơ: 092855

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết.

Lý do: Tại mục III Phần II Thông tư số 25/2007/TT-BLĐTBXH ngày 15/11/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn bổ sung việc thực hiện ưu đãi đối với người có công với cách mạng không quy định rõ ràng số lượng bộ hồ sơ cần nộp.

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định tại mục III Phần II của Thông tư số 25/2007/TT-BLĐTBXH ngày 15/11/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn bổ sung việc thực hiện ưu đãi đối với người có công với cách mạng, nội dung: “Thời gian giải quyết thủ tục đối với cấp quận - huyện là ngay khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

23. Thủ tục Hỗ trợ thân nhân liệt sĩ di chuyển hài cốt liệt sĩ, mã số hồ sơ: 092861

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung quy định thời gian giải quyết

Lý do: Các cơ quan quản lý chưa có quy định cụ thể thời gian giải quyết thủ tục này

Ban hành mẫu đơn.

Lý do: Tạo điều kiện cho cá nhân và cơ quan khi thực hiện thủ tục hành chính

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại điểm a, khoản 2, Phần II Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BLĐTĐ-BTC ngày 29/1/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục và mức hỗ trợ thân nhân liệt sĩ đi thăm viếng mộ và di chuyển hài cốt liệt sĩ, nội dung: “Thời gian giải quyết tại huyện là ngay sau khi thân nhân liệt sĩ nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ”.

- Ban hành mẫu “Giấy đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ” tại Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BLĐTĐ-BTC ngày 29/1/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục và mức hỗ trợ thân nhân liệt sĩ đi thăm viếng mộ và di chuyển hài cốt liệt sĩ.

Giấy đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ bao gồm các nội dung sau:

- * Họ và tên thân nhân liệt sĩ;
- * Số chứng minh nhân dân;
- * Nơi cư trú;
- * Quan hệ với liệt sĩ;
- * Họ và tên liệt sĩ;
- * Số HM;
- * Nội dung đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ về nghĩa trang liệt sĩ nào?

Xác nhận của UBND xã (phường) với nội dung “Mối quan hệ của người đề nghị với liệt sĩ”.

- Bổ sung Nghị định số 16/2007/NĐ-CP ngày 26/01/2007 của Chính phủ quy định về tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, quản lý mộ, nghĩa trang, đài tưởng niệm, bia ghi tên liệt sĩ” vào căn cứ pháp lý của thủ tục “Hỗ trợ thân nhân liệt sĩ di chuyển hài cốt liệt sĩ” tại số thứ tự 24 mục XXV Phần II lĩnh vực Người có công tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

24. Thủ tục Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ, mã số hồ sơ: 092872

24.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung quy định thời gian giải quyết

Lý do: Các cơ quan quản lý chưa có quy định cụ thể thời gian giải quyết thủ tục này

b) Ban hành mẫu đơn

Lý do: Tạo điều kiện cho cá nhân và cơ quan khi thực hiện thủ tục hành chính

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại điểm a, khoản 1, Phần II Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BLĐTĐBXH-BTC ngày 29/01/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục và mức hỗ trợ thân nhân liệt sĩ đi thăm viếng mộ và di chuyển hài cốt liệt sĩ nội dung: “Thời gian giải quyết tại huyện là ngay sau khi thân nhân liệt sĩ nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ”.

- Ban hành mẫu “Giấy đề nghị đi thăm viếng mộ liệt sĩ” tại Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BLĐTĐBXH-BTC ngày 29/01/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục và mức hỗ trợ thân nhân liệt sĩ đi thăm viếng mộ và di chuyển hài cốt liệt sĩ.

Giấy đề nghị đi thăm viếng mộ liệt sĩ bao gồm các nội dung sau:

- * Họ và tên thân nhân liệt sĩ;
- * Số chứng minh nhân dân;
- * Nơi cư trú;
- * Quan hệ với liệt sĩ;
- * Họ và tên liệt sĩ;
- * Số HM;
- * Nội dung đề nghị đi thăm viếng mộ liệt sĩ ở nghĩa trang liệt sĩ nào?

Xác nhận của UBND xã (phường) với nội dung: mối quan hệ của người đề nghị với liệt sĩ.

- Bổ sung Nghị định số 16/2007/NĐ-CP ngày 26/01/2007 của Chính phủ quy

định về tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, quản lý mộ, nghĩa trang, đài tưởng niệm, bia ghi tên liệt sĩ” vào căn cứ pháp lý của thủ tục “Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sỹ” số thứ tự 25 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

25. Thủ tục Giải quyết trợ cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, mã số hồ sơ: 092880

25.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết

Lý do: Cơ quan quản lý chưa có quy định cụ thể thời gian giải quyết thủ tục này

25.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Bổ sung quy định tại điểm b, khoản 1, Phần III Thông tư liên tịch số 17/2006/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BYT, ngày 21/11/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Y tế hướng dẫn chế độ chăm sóc sức khỏe đối với người có công với cách mạng nội dung: “Thời gian giải quyết tại huyện là không quá 10 ngày làm việc”, kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ từ Ủy ban nhân dân cấp xã.

26. Thủ tục Xét hưởng chế độ đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, mã số hồ sơ: 092958

26.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Quy định thời gian giải quyết tại cấp huyện

Lý do: Đây là những hồ sơ cần phải thẩm tra, việc tiếp nhận theo đợt, số lượng không nhiều, nên quy định thời gian giải quyết tại cấp huyện theo định kỳ hàng tháng. Như thế huyện sẽ dễ dàng tổng hợp báo cáo thành phố.

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Phần III Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, nội dung: “Định kỳ hàng tháng vào ngày 15 cấp huyện tổng hợp danh sách và chuyển hồ sơ về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”.

- Ghi rõ nội dung xác nhận của UBND xã (phường): “Xác nhận chữ ký của Ông (bà) là đúng người đứng khai” vào Bản khai (Mẫu 1A, Mẫu 1 B); bản khai thân nhân (Mẫu 2A, Mẫu 2B) ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.

27. Thủ tục Cấp lại sổ ưu đãi giáo dục, đào tạo, mã số hồ sơ: 093105

27.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Cấp lại sổ ưu đãi giáo dục, đào tạo”

Lý do: Việc cấp sổ ưu đãi giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố đã có hồ sơ lưu trữ, do vậy khi đối tượng bị mất sổ chỉ cần đến cơ quan thực hiện cấp ban đầu đề nghị cấp lại mà không cần thiết phải có xác nhận vào đơn của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện. Việc thực hiện nêu trên sẽ giảm thời gian và chi phí khi thực hiện thủ tục, như vậy không cần thiết phải phát sinh thủ tục này.

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Cấp lại sổ ưu đãi giáo dục, đào tạo” số thứ tự 34 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính

chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

28. Thủ tục Quyết định miễn giảm tiền sử dụng đất cho gia đình có công với cách mạng, mã số hồ sơ: 093106

28.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Quyết định miễn giảm tiền sử dụng đất cho gia đình có công với cách mạng”

Lý do: Có hai điều kiện cần phải kiểm tra để một cá nhân được miễn giảm tiền sử dụng đất đó là có đúng đối tượng tương ứng với mức miễn, giảm tiền sử dụng đất hay không? Và đã được miễn giảm lần nào hay chưa? Điều kiện đầu được chứng minh bằng thẻ thương binh và sổ nhận lương hàng tháng do chính người được miễn giảm thuế cung cấp; điều kiện thứ hai sẽ do Ủy ban nhân dân phường tại nơi thường trú xác nhận chưa được miễn, giảm lần nào tại địa phương. Trên 02 bằng chứng trên, Chi cục thuế tại nơi nhà - đất tọa lạc có thể xác định mức thuế cũng như số tiền tương ứng được miễn, giảm. như vậy không cần tiết phát sinh thủ tục này.

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Quyết định miễn giảm tiền sử dụng đất cho gia đình có công với cách mạng” số thứ tự 35 mục XXV Phần II thuộc lĩnh vực Người có công trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

XXV. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội

1. Thủ tục Hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định, mã số hồ sơ: 092701

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc lập hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định” số thứ tự 01 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thủ tục Hồ sơ đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người bán dâm có nơi cư trú nhất định, mã số hồ sơ: 092717

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Hồ sơ đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người bán dâm có nơi cư trú nhất định”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc lập hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Hồ sơ đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người bán dâm có nơi cư trú nhất định” số thứ tự 02 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người không có nơi cư trú nhất định đưa vào cơ sở lưu trú tạm thời, mã số hồ sơ: 093388

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người không có nơi cư trú nhất định đưa vào cơ sở lưu trú tạm thời”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi

phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc lập hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người không có nơi cư trú nhất định đưa vào cơ sở lưu trú tạm thời” số thứ tự 03 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục Hồ sơ đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người bán dâm không có nơi cư trú nhất định đưa vào cơ sở lưu trú tạm thời, mã số hồ sơ: 093397

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Hồ sơ đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người bán dâm không có nơi cư trú nhất định đưa vào cơ sở lưu trú tạm thời”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi

phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc lập hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Hồ sơ đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người bán dâm không có nơi cư trú nhất định đưa vào cơ sở lưu trú tạm thời” số thứ tự 04 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thủ tục Đưa người chưa thành niên, người nghiện ma túy, người bán dâm vào cai nghiện chữa trị bắt buộc tại trung tâm, mã số hồ sơ: 094094

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đưa người chưa thành niên, người nghiện ma túy, người bán dâm vào cai nghiện chữa trị bắt buộc tại trung tâm”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi

phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc lập hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đưa người chưa thành niên, người nghiện ma túy, người bán dâm vào cai nghiện chữa trị bắt buộc tại trung tâm” số thứ tự 06 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thủ tục Hồ sơ hoãn chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh, mã số hồ sơ: 094107

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Hồ sơ hoãn chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi

phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc lập hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Hồ sơ hoãn chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh” số thứ tự 07 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thủ tục Đưa người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị tại trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động, xã hội, mã số hồ sơ: 094113

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đưa người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị tại trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động, xã hội”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc lập hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đưa người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị tại trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động, xã hội” số thứ tự 08 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thủ tục Hoãn chấp hành quyết định đưa người bán dâm vào cơ sở chữa bệnh, mã số hồ sơ: 094119

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Hoãn chấp hành quyết định đưa người bán dâm vào cơ sở chữa bệnh”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc lập hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Hoãn chấp hành quyết định đưa người bán dâm vào cơ sở chữa bệnh” số thứ tự 09 Phần XXVI lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

9. Thủ tục Miễn chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh, mã số hồ sơ: 094121

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Miễn chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào

ơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc lập hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Miễn chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh” số thứ tự 10 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

10. Thủ tục Miễn chấp hành quyết định đưa người bán dâm vào cơ sở chữa bệnh, mã số hồ sơ: 094124

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Miễn chấp hành quyết định đưa người bán dâm vào cơ sở chữa bệnh”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có

hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc lập hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Miễn chấp hành quyết định đưa người bán dâm vào cơ sở chữa bệnh” số thứ tự 11 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

11. Thủ tục Giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho người bán dâm tại trung tâm cho người lập công hoặc có tiến bộ rõ rệt, mã số hồ sơ: 094125

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho người bán dâm tại trung tâm cho người lập công hoặc có tiến bộ rõ rệt”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có

hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc lập hồ sơ cai nghiện ma túy đối với người có nơi cư trú nhất định là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho người bán dâm tại trung tâm cho người lập công hoặc có tiền bộ rõ rệt” số thứ tự 12 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

12. Thủ tục Giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho người nghiện ma túy tại trung tâm cho người lập công hoặc có tiền bộ rõ rệt, mã số hồ sơ: 094128

12.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho người nghiện ma túy tại trung tâm cho người lập công hoặc có tiền bộ rõ rệt”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào

ơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho người nghiện ma túy tại trung tâm cho người lập công hoặc có tiền bộ rõ rệt là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho người nghiện ma túy tại trung tâm cho người lập công hoặc có tiền bộ rõ rệt” số thứ tự 13 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

13. Thủ tục Miễn chấp hành quyết định phần thời gian còn lại tại trung tâm cho người mắc bệnh hiểm nghèo, mã số hồ sơ: 094130

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Miễn chấp hành quyết định phần thời gian còn lại tại trung tâm cho người mắc bệnh hiểm nghèo”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc miễn chấp hành quyết định phần thời gian còn lại tại trung tâm cho người mắc bệnh hiểm nghèo là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Miễn chấp hành quyết định phần thời gian còn lại tại trung tâm cho người mắc bệnh hiểm nghèo” số thứ tự 14 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

14. Thủ tục Tạm đình chỉ chấp hành phần thời gian còn lại tại trung tâm cho phụ nữ có thai, mã số hồ sơ: 094132

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Tạm đình chỉ chấp hành phần thời gian còn lại tại trung tâm cho phụ nữ có thai”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào cơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc miễn chấp hành quyết định phần thời gian còn lại tại trung tâm cho người mắc bệnh hiểm nghèo là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Tạm đình chỉ chấp hành phần thời gian còn lại tại trung tâm cho phụ nữ có thai” số thứ tự 15 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

15. Thủ tục Tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định phần thời gian còn lại tại trung tâm cho người bị ốm nặng, mã số hồ sơ: 094133

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định phần thời gian còn lại tại trung tâm cho người bị ốm nặng”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác”.

- Tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Đưa vào

ơ sở chữa bệnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để lao động, học văn hóa, học nghề và chữa bệnh dưới sự quản lý của cơ sở chữa bệnh”.

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về phạm vi điều chỉnh: “Nghị định này quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”.

Việc miễn chấp hành quyết định phần thời gian còn lại tại trung tâm cho người mắc bệnh hiểm nghèo là biện pháp xử lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, như vậy không có đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định phần thời gian còn lại tại trung tâm cho người bị ốm nặng” số thứ tự 16 mục XXVI Phần II thuộc lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

XXVI. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh

1. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng chỉ hành nghề y tư nhân, mã số hồ sơ: 092061

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng chỉ hành nghề y tư nhân”

Lý do: Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, quy định: “Người có đủ điều kiện theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân và Nghị định này được Bộ Y tế hoặc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (được gọi chung là Sở Y tế tỉnh) cấp Chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân”. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng chỉ hành nghề y tư nhân” số thứ tự 01 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung một khoản mới tại Điều 2 Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, nội dung quy định: “Trường hợp cần thiết phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả”.

2. Thủ tục Xác nhận hồ sơ gia hạn Giấy chứng chỉ hành nghề y, mã số hồ sơ: 092106

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn Giấy chứng chỉ hành nghề y”

Lý do: Tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, quy định: “Thời hạn của Chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân là 05 năm. Sau 05 năm, người được cấp Chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân muốn tiếp tục hành nghề phải gửi hồ sơ đến cơ quan đã cấp Chứng chỉ hành nghề để làm thủ tục gia hạn”. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn Giấy chứng chỉ hành nghề y” số thứ tự 02 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đổi chứng chỉ hành nghề y tư nhân, mã số hồ sơ: 092138

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi chứng chỉ hành nghề y tư nhân”

Lý do: Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng chỉ hành nghề dược”. Đây là thủ tục không cần thiết.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi chứng chỉ hành nghề y tư nhân” số thứ tự 03 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp lại chứng chỉ hành nghề y tư nhân, mã số hồ sơ: 092148

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại chứng chỉ hành nghề y tư nhân”

Lý do: Tại Điều 43 Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân năm 2003 “Chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân có giá trị 5 năm kể từ ngày cấp. Trước khi hết hạn 3 tháng, nếu muốn tiếp tục hành nghề thì cá nhân, tổ chức phải làm thủ tục đề nghị gia hạn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế đã cấp. Thời gian gia hạn là 5 năm”. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại chứng chỉ hành nghề y tư nhân” số thứ tự 04 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa

bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, mã số hồ sơ: 092364

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y”

Lý do: Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y” số thứ tự 05 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung một khoản mới tại Điều 2 Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân, nội dung quy định: “Trường hợp cần thiết phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả”.

6. Thủ tục Xác nhận hồ sơ gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, mã số hồ sơ: 092371

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y”

Lý do: Tại Điều 43 Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân năm 2003, quy định “Chứng chỉ hành nghề y, được tư nhân, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, được tư nhân có giá trị 5 năm kể từ ngày cấp. Trước khi hết hạn 3 tháng, nếu muốn tiếp tục hành nghề thì cá nhân, tổ chức phải làm thủ tục đề nghị gia hạn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế đã cấp. Thời gian gia hạn là 5 năm”. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y” số thứ tự 06 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thủ tục Xác nhận hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề y, y học cổ truyền, mã số hồ sơ: 092423

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề y, y học cổ truyền”

Lý do: Tại khoản 2 Điều 39 Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân năm 2003, quy định “Giám đốc Sở Y tế cấp Chứng chỉ hành nghề y, y dược học cổ truyền, được và vắc xin, sinh phẩm y tế tư nhân cho các cá nhân đăng ký các hình thức tổ chức hành nghề khác”. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề y, y học cổ truyền” số thứ tự 07 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện

trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung một khoản mới tại Điều 2 Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, nội dung quy định: “Trường hợp cần thiết phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả”.

8. Thủ tục Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân, mã số hồ sơ: 093073

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân”

Lý do: Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân” số thứ tự 08 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

9. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp lại chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền, mã số hồ sơ: 093123

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền”

Lý do: Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền” số thứ tự 09 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

10. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đổi chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền, mã số hồ sơ: 093132

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền”

Lý do: Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền” số thứ tự 10 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

11. Thủ tục Xác nhận hồ sơ ngưng hoạt động y, y học cổ truyền, mã số hồ sơ: 093177

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ ngưng hoạt động y, y học cổ truyền”

Lý do: Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố s thủ tục “Xác nhận hồ sơ ngưng hoạt động y, y học cổ truyền” số thứ tự 11 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

12. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân, mã số hồ sơ: 093251

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân”

Lý do: Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân” số thứ tự 12 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung một khoản mới tại Điều 2 Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân, nội dung quy định: “Trường hợp cần thiết phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả”.

13. Thủ tục Xác nhận hồ sơ xin gia hạn Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền, mã số hồ sơ: 093275

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ xin gia hạn Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền”

Lý do: Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-

UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ xin gia hạn Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền” số thứ tự 13 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

14. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền, mã số hồ sơ: 093301

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền”

Lý do: Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền” số thứ tự 14 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

15. Thủ tục Xác nhận hồ sơ chuyển địa điểm hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân, mã số hồ sơ: 093340

15.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ chuyển địa điểm hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân”

Lý do:

- Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, quy định “...trường hợp thay đổi địa điểm hành nghề trong phạm vi tỉnh thì cơ sở hành nghề y, dược tư nhân phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận để thẩm định lại và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân mới”. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ chuyển địa điểm hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân” số thứ tự 15 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận -

huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

16. Thủ tục Xác nhận hồ sơ chuyển địa điểm hành nghề y, y học cổ truyền (chuyên trong quận), mã số hồ sơ: 093353

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ chuyển địa điểm hành nghề y, y học cổ truyền (chuyên trong quận)”

Lý do:

- Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, quy định “...trường hợp thay đổi địa điểm hành nghề trong phạm vi tỉnh thì cơ sở hành nghề y, dược tư nhân phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận để thẩm định lại và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân mới”. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ chuyển địa điểm hành nghề y, y học cổ truyền (chuyên trong quận)” số thứ tự 16 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

17. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đổi địa điểm hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân (chuyên ngoài quận), mã số hồ sơ: 093366

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi địa điểm hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân (chuyên ngoài quận)”

Lý do:

- Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, quy định “...trường hợp thay đổi địa điểm hành nghề trong phạm vi tỉnh thì cơ sở hành nghề y, dược tư nhân phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận để thẩm định lại và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân mới”. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi địa điểm hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân (chuyên ngoài quận)” số thứ tự 17 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

18. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo (cá thể - phòng khám chuyên khoa), mã số hồ sơ: 097489

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo (cá thể - phòng khám chuyên khoa)”

Lý do: Theo quy định tại Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân; Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân, thủ tục cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận điều kiện hành nghề thuộc thẩm quyền cấp của Giám đốc Sở Y tế cấp trừ các hình thức tổ chức hành nghề như: Bệnh viện; Cơ sở y, y dược học cổ truyền, dược, vắc xin, sinh phẩm y tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo (cá thể - phòng khám chuyên khoa)” số thứ tự 18 mục XXVII Phần II thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

XXVII. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Dược

1. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng chỉ hành nghề dược, mã số hồ sơ: 093370

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng chỉ hành nghề dược”

Lý do:

- Tại điểm b khoản 3 Điều 13 Luật số 34/2005/QH11 ngày 25/12/2005 Luật Dược quy định việc cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho cá nhân thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Y tế.

- Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như: các giấy tờ liên quan trong bộ hồ sơ phải đến Ủy ban nhân dân xã - thị trấn xác nhận sơ yếu lý lịch, khám sức khỏe ở bệnh viện, sau đó mới đến Phòng Y tế quận - huyện xác nhận trong đơn và nộp tại

Sở Y tế để được xem xét cấp chứng chỉ hành nghề. Về nội dung xác nhận không rõ ràng, không có văn bản quy định. Đây là thủ tục không cần thiết.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng chỉ hành nghề dược” số thứ tự 01 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp cần lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân quận - huyện về cấp Giấy chứng chỉ hành nghề dược thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế thành phố làm đầu mối tiếp nhận và trả hồ sơ.

2. Thủ tục Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề dược, mã số hồ sơ: 093488

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề dược”

Lý do: Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn Giấy chứng chỉ hành nghề dược”. Đây là thủ tục không cần thiết.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề dược” số thứ tự 02 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp lại chứng chỉ hành nghề dược, mã số hồ sơ: 093840

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại chứng chỉ hành nghề dược”

Lý do: Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng chỉ hành nghề dược”. Đây là thủ tục không cần thiết.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại chứng chỉ hành nghề dược” số thứ tự 03 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp cần lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân quận - huyện về cấp lại Giấy chứng chỉ hành nghề dược thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế thành phố làm đầu mối tiếp nhận và trả hồ sơ.

4. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đổi chứng chỉ hành nghề dược, mã số hồ sơ: 093977

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp đổi chứng chỉ hành nghề dược”

Lý do: Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp đổi Giấy chứng chỉ hành nghề dược”. Đây là thủ tục không cần thiết.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp đổi chứng chỉ hành nghề dược” số thứ tự 04 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ

thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp cần lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân quận - huyện về cấp đổi Giấy chứng chỉ hành nghề dược thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế thành phố làm đầu mối tiếp nhận và trả hồ sơ.

5. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân, mã số hồ sơ: 094007

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân”

Lý do:

- Tại điểm b khoản 3 Điều 13 Luật số 34/2005/QH11 ngày 25/12/2005 Luật Dược quy định việc cấp Chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân cho cá nhân thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Y tế.

- Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như: các giấy tờ liên quan trong bộ hồ sơ phải đến Ủy ban nhân dân xã - thị trấn xác nhận sơ yếu lý lịch, khám sức khỏe ở bệnh viện, sau đó mới đến Phòng Y tế quận - huyện xác nhận trong đơn và nộp tại Sở Y tế để được xem xét cấp chứng chỉ hành nghề. Về nội dung xác nhận không rõ ràng, không có văn bản quy định. Đây là thủ tục không cần thiết.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân” số thứ tự 05 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp cần lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân quận - huyện về xác nhận hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế thành phố làm đầu mối tiếp nhận và trả hồ sơ.

6. Thủ tục Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân, mã số hồ sơ: 094173

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân”

Lý do: Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân”. Đây là thủ tục không cần thiết.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân” số thứ tự 06 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân, mã số hồ sơ: 094179

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân”

Lý do: Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân”. Đây là thủ tục không cần thiết.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân” số thứ tự 07 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đổi chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân, mã số hồ sơ: 094190

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân”

Lý do: Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân”. Đây là thủ tục không cần thiết.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân” số thứ tự 08 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

9. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc, mã số hồ sơ: 094199

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc”

Lý do:

- Tại điểm b khoản 3 Điều 13 Luật số 34/2005/QH11 ngày 25/12/2005 Luật Dược quy định việc cấp Chứng chỉ hành nghề dược, dược học cổ truyền tư nhân cho cá nhân thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Y tế.

- Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc”. Đây là thủ tục không cần thiết.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc” số thứ tự 09 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp cần lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân quận - huyện về xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế thành phố làm đầu mối tiếp nhận và trả hồ sơ.

10. Thủ tục Xác nhận hồ sơ gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc, mã số hồ sơ: 094220

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc”

Lý do: Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc”. Đây là thủ tục không cần thiết.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn Giấy chứng nhận đủ

điều kiện kinh doanh thuốc” số thứ tự 10 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

11. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất, mã số hồ sơ: 094357

11.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất”

Lý do: Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất”. Đây là thủ tục không cần thiết.

11.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất” số thứ tự 11 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

12. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc (bán lẻ - loại hình cá thể), mã số hồ sơ: 094373

12.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc (bán lẻ - loại hình cá thể)”

Lý do: Trùng lặp thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất, mã số hồ sơ 094357”

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc (bán lẻ - loại hình cá thể)” số thứ tự 12 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

13. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi về người quản lý chuyên môn về dược, mã số hồ sơ: 094477

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi về người quản lý chuyên môn về dược”

Lý do: Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi về người quản lý chuyên môn về dược”. Đây là thủ tục không cần thiết.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi về người quản lý chuyên môn về dược” số thứ tự 13 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

14. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do hư hỏng, rách nát, mã số hồ sơ: 094478

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do hư hỏng, rách nát”

Lý do: Trùng lặp thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi về người quản lý chuyên môn về dược, mã số hồ sơ 094477”

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do hư hỏng, rách nát” số thứ tự 14 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

15. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh, mã số hồ sơ: 094481

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh”

Lý do: Trùng lặp thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi về người quản lý chuyên môn về dược, mã số hồ sơ 094477”

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh” số thứ tự 15 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

16. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc, mã số hồ sơ: 094486

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc”

Lý do: Trùng lặp thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi về người quản lý chuyên môn về dược, mã số hồ sơ 094477”

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc” số thứ tự 16 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

17. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc (bán lẻ - loại hình cá thể), mã số hồ sơ: 094493

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc (bán lẻ - loại hình cá thể)”

Lý do: Trùng lặp thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do thay đổi về người quản lý chuyên môn về dược, mã số hồ sơ 094477”

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc (bán lẻ - loại hình cá thể)” số thứ tự 17 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

18. Thủ tục Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược, mã số hồ sơ: 094533

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược”

Lý do: Kết quả thủ tục này được thực hiện tại cấp huyện chưa phải là kết quả cuối cùng nhưng mất rất nhiều thời gian, gây phiền hà, phát sinh nhiều bộ hồ sơ và phải đến nhiều cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục như thủ tục “Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược”. Đây là thủ tục không cần thiết.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược” số thứ tự 18 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp cần lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân quận - huyện về xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế thành phố làm đầu mối tiếp nhận và trả hồ sơ.

19. Thủ tục Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược, được cổ truyền (chuyển trong quận), mã số hồ sơ: 094554

19.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược, dược cổ truyền (chuyên trong quận)”

Lý do: Trùng lặp thủ tục “Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược, mã số hồ sơ 094554”

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược, dược cổ truyền (chuyên trong quận)” số thứ tự 19 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

20. Thủ tục Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược, dược cổ truyền (chuyên ngoài quận), mã số hồ sơ: 094574

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược, dược cổ truyền (chuyên ngoài quận)”

Lý do: Trùng lặp thủ tục “Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược, mã số hồ sơ 094554”

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận đơn chuyển địa điểm hành nghề dược, dược cổ truyền (chuyên ngoài quận)” số thứ tự 20 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

21. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận “thực hành tốt nhà thuốc”, mã số hồ sơ: 094587

21.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận “thực hành tốt nhà thuốc” (đối với các cơ sở đã có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân)”

Lý do: Tại điểm c khoản 2 Phần II Chương III bản nguyên tắc, tiêu chuẩn “thực hành tốt nhà thuốc” ban hành kèm theo Quyết định số 11/2007/QĐ-BYT ngày 24/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc cấp Giấy chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn GPP là thẩm quyền Sở Y tế. Đây là thủ tục không cần thiết phát sinh tại quận - huyện.

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận “thực hành tốt nhà thuốc” (đối với các cơ sở đã có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân” số thứ tự 21 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp cần lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân quận - huyện về xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận “thực hành tốt nhà thuốc” (đối với các cơ sở đã có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế thành phố làm đầu mối tiếp nhận và trả hồ sơ.

22. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận “thực hành tốt nhà thuốc” (đối với các cơ sở chưa có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân, mã số hồ sơ: 094604

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận “thực hành tốt nhà thuốc” (đối với các cơ sở chưa có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân)”

Lý do: Tại điểm c khoản 2 Phần II Chương III bản nguyên tắc, tiêu chuẩn “thực hành tốt nhà thuốc” ban hành kèm theo Quyết định số 11/2007/QĐ-BYT ngày

24/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc cấp Giấy chứng nhận đạt Nguyên tắc, tiêu chuẩn GPP là thẩm quyền Sở Y tế. Đây là thủ tục không cần thiết phát sinh tại quận - huyện

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận “thực hành tốt nhà thuốc” (đối với các cơ sở chưa có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân)” số thứ tự 22 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp cần lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân quận -huyện về xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận “thực hành tốt nhà thuốc” (đối với các cơ sở chưa có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế thành phố làm đầu mối tiếp nhận và trả hồ sơ.

23. Thủ tục Xác nhận hồ sơ bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc, mã số hồ sơ: 097493

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc”

Lý do: Tại điểm b khoản 3, Điều 11 Luật số 34/2005/QH11 ngày 25/12/2005, Luật Dược quy định việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Y tế. Đây là thủ tục không cần thiết phát sinh tại quận - huyện.

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc” số thứ tự 23 mục XXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Dược tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của

Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường hợp cần lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân quận - huyện về xác nhận hồ sơ bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế thành phố làm đầu mối tiếp nhận và trả hồ sơ.

XXVIII. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Y dược cổ truyền

1. Thủ tục Xác nhận hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề y dược cổ truyền, mã số hồ sơ: 094623

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề y dược cổ truyền”

Lý do: Tại khoản 2 Điều 39 Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân năm 2003, quy định “Giám đốc Sở Y tế cấp Chứng chỉ hành nghề y, y dược học cổ truyền, dược và vắc xin, sinh phẩm y tế tư nhân cho các cá nhân đăng ký các hình thức tổ chức hành nghề khác”. Như vậy việc phát sinh thủ tục này là không cần thiết.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề y dược cổ truyền” số thứ tự 01 mục XXIX Phần II thuộc lĩnh vực Y dược cổ truyền trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung một khoản mới tại Điều 2 Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, nội dung quy định: “Trường hợp cần thiết phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì thực hiện cơ chế một cửa liên thông do Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả”.

2. Thủ tục Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề y dược cổ truyền, mã số hồ sơ: 094642

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề y dược cổ truyền”

Lý do:

- Tại khoản 2 Điều 39 Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003 về hành nghề y, dược tư nhân đã quy định: “Giám đốc Sở Y tế cấp Chứng chỉ hành nghề y, y dược học cổ truyền, dược và vắc xin, sinh phẩm y tế tư nhân cho các cá nhân đăng ký các hình thức tổ chức hành nghề khác...”

- Tại Điều 43 Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003 về hành nghề y, dược tư nhân đã quy định: “Chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân có giá trị 5 năm kể từ ngày cấp. Trước khi hết hạn 3 tháng, nếu muốn tiếp tục hành nghề thì cá nhân, tổ chức phải làm thủ tục đề nghị gia hạn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền...”

- Tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân đã quy định như sau: “Thời hạn của Chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân là 05 năm. Sau 05 năm, người được cấp Chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân muốn tiếp tục hành nghề phải gửi hồ sơ đến cơ quan đã cấp Chứng chỉ hành nghề để làm thủ tục gia hạn”. Như vậy việc phát sinh thủ tục này không cần thiết.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề y dược cổ truyền” số thứ tự 02 mục XXIX Phần II thuộc lĩnh vực Y dược cổ truyền tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Xác nhận hồ sơ đổi địa điểm hành nghề y dược cổ truyền, mã số hồ sơ: 094652

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi địa điểm hành nghề y dược cổ truyền”

Lý do:

- Tại khoản 2 Điều 39 Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003 về hành nghề y, dược tư nhân đã quy định: “Giám đốc Sở Y tế cấp Chứng chỉ hành nghề y, y dược học cổ truyền, dược và vắc xin, sinh phẩm y tế tư nhân cho các cá nhân đăng ký các hình thức tổ chức hành nghề khác, trừ các hình thức tổ chức hành nghề quy định tại khoản 1 Điều này”.

- Tại khoản 3 Điều 11 quy định: “Thay đổi địa điểm hành nghề ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trường hợp thay đổi địa điểm hành nghề trong phạm vi tỉnh thì cơ sở hành nghề y, dược tư nhân phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận để thẩm định lại và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân mới”. Như vậy việc phát sinh thủ tục này không cần thiết.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ đổi địa điểm hành nghề y dược cổ truyền” số thứ tự 03 mục XXIX Phần II thuộc lĩnh vực Y dược cổ truyền tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục Xác nhận hồ sơ ngưng hoạt động y, dược, y học cổ truyền, mã số hồ sơ: 094674

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận hồ sơ ngưng hoạt động y, dược, y học cổ truyền”

Lý do: Tại khoản 2 Điều 39 Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/02/2003 về hành nghề y, dược tư nhân đã quy định: “Giám đốc Sở Y tế cấp Chứng chỉ hành nghề y, y dược học cổ truyền, dược và vắc xin, sinh phẩm y tế tư nhân cho các cá nhân đăng ký các hình thức tổ chức hành nghề khác, trừ các hình thức tổ chức hành nghề quy định tại khoản 1 Điều này”. Như vậy không nhất thiết phát sinh thủ tục này.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận hồ sơ ngưng hoạt động y, dược, y học cổ truyền” số thứ tự 04 mục XXIX Phần II lĩnh vực Y dược cổ truyền tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

XXIX. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác

1. Thủ tục Thẩm định thành lập trường mầm non, mã số hồ sơ: 101157

1.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định thành lập trường mầm non”

Lý do: Đây là công việc Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện tiếp nhận hồ sơ xin thành lập trường và chủ trì, phối hợp với các ngành hữu quan thuộc cấp huyện tổ chức thẩm định về mức độ phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường Mầm non và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của cấp huyện, mức độ khả thi của luận chứng theo quy định và có ý kiến bằng văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép hay không cho phép thành lập. Do vậy đây chỉ là công việc nhận hồ sơ, xem xét các điều kiện thành lập nhà trường, nhà trẻ để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thành lập, như vậy công việc thẩm định thành lập trường mầm non chưa đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Thẩm định thành lập trường mầm non” số thứ tự 01 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thủ tục Thành lập trường mầm non, mã số hồ sơ: 101181

2.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Thành lập trường mầm non”

Lý do: Tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non, quy định “Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo công lập do cơ quan Nhà nước thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên”.

Nội dung quy định nêu trên yêu cầu việc thành lập trường mầm non công lập phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em đi học và nếu thấy đủ điều kiện Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện có ý kiến bằng văn bản và gửi hồ sơ thành lập nhà trường, nhà trẻ công lập trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập đối với nhà trường, nhà trẻ công lập theo thẩm quyền được phân cấp, như vậy công việc thành lập trường mầm non công lập không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Thẩm định thành lập trường mầm non” số thứ tự 02 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Thành lập trường mầm non tư thục, mã số hồ sơ: 101193

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên thủ tục hành chính

Lý do: Tại Điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ/BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế và tổ chức thành lập trường mầm non tư thục, quy định thủ tục thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục.

b) Bổ sung quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp

Lý do: Tại Điều 8 Quyết định số 41/2008/QĐ/BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hồ sơ thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục nhưng không quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi nội dung công bố tên thủ tục “Thành lập trường mầm non tư thục” thành tên thủ tục “Thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục” số thứ tự 03 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung quy định tại Điều 8 Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ/BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục, nội dung “Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 02 bộ”.

4. Thủ tục Sáp nhập, chia tách trường mầm non, mã số hồ sơ: 101264

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Sáp nhập, chia tách trường mầm non”

Lý do: Tại điểm c khoản 1 Điều 11 chương II Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định “Hồ sơ, trình tự, thủ tục sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ để thành lập nhà trường, nhà trẻ mới được thực hiện theo các quy định tại Điều 10 của Điều lệ này”. Như vậy khi sáp nhập, chia tách trường mầm non vẫn phải tiến hành lập thủ tục như trường hợp thành lập mới trường mầm non không cần thiết phải có thêm thủ tục này.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Sáp nhập, chia tách trường mầm non” số thứ tự 04 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính

chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bãi bỏ khoản 1 Điều 11 Chương II Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường mầm non quy định việc sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ.

5. Thủ tục Sáp nhập, chia tách trường mầm non tư thục, mã số hồ sơ: 101293

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên thủ tục hành chính

Lý do: Tại điểm c khoản 1 Điều 10 Chương II tại Quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục quy định “Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ tư thục để thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục mới được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8, Điều 9 của Quy chế này”.

b) Bổ sung quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp

Lý do: Tại Điều 8 Quyết định này quy định hồ sơ đề nghị cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục không quy định rõ về số lượng bộ hồ sơ cần nộp.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi nội dung công bố tên thủ tục “Sáp nhập, chia tách trường mầm non tư thục” thành tên thủ tục “Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ tư thục” số thứ tự 05 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung quy định tại Điều 8 Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ/BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục, nội dung “Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 02 bộ”.

6. Thủ tục Đình chỉ hoạt động trường mầm non, mã số hồ sơ: 101304

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đình chỉ hoạt động trường mầm non”

Lý do: Tại điểm a khoản 2 Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc đình chỉ hoạt động của nhà trường, nhà trẻ được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp: “Ảnh hưởng đến tính mạng của trẻ em và cán bộ, giáo viên của nhà trường, nhà trẻ”; “Vi phạm các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục ở mức độ phải đình chỉ”; “Không bảo đảm hoạt động bình thường của nhà trường, nhà trẻ”. Việc quy định nêu trên là biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định. Như vậy công việc này là biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước bảo đảm quyền lợi của trẻ em và không cần thiết phát sinh thủ tục này.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đình chỉ hoạt động trường mầm non” số thứ tự 06 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thủ tục Đình chỉ hoạt động trường mầm non tư thục, mã số hồ sơ: 101359

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đình chỉ hoạt động trường mầm non tư thục”

Lý do: Tại khoản 2 Điều 10 Quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục quy định việc đình chỉ hoạt động nhà trường, nhà trẻ vi phạm quy định tại điểm a, khoản 2 của Điều này. Đây là biện pháp thực hiện

chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với nhà trường, nhà trẻ tư thục trên địa bàn của Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp và không cần thiết phát sinh thủ tục này.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đình chỉ hoạt động trường mầm non tư thục” số thứ tự 07 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thủ tục Giải thể hoạt động trường mầm non, mã số hồ sơ: 101368

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải thể hoạt động trường mầm non”

Lý do: Việc giải thể hoạt động của nhà trường, nhà trẻ được thực hiện đối với những trường hợp vi phạm. Đây là biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với nhà trường, nhà trẻ tư thục trên địa bàn của Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp và không cần thiết phát sinh thủ tục này.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải thể hoạt động trường mầm non” số thứ tự 08 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

9. Thủ tục Giải thể trường mầm non tư thục, mã số hồ sơ: 101376

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải thể trường mầm non tư thục”

Lý do: Việc Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định đình chỉ hoạt động nhà trường, nhà trẻ là biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 10 tại Quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục. Như vậy không cần thiết phát sinh thủ tục này.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải thể trường mầm non tư thục” số thứ tự 09 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Sửa đổi nội dung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục, nội dung được sửa đổi như sau: bỏ cụm từ “thủ tục” thành nội dung quy định “Trình tự thực hiện đình chỉ hoạt động hoặc cho phép hoạt động trở lại phải tuân theo các bước sau.....”

10. Thủ tục Thẩm định đề án thành lập trường tiểu học, mã số hồ sơ: 101381

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định đề án thành lập trường tiểu học”

Lý do: Tên của thủ tục hành chính này không xác định rõ trường công lập hay tư thục. Nếu là trường công lập thì không phải là đối tượng để hình thành nên thủ tục hành chính. Nếu là trường tư thục thì thực hiện theo quy định tại Điều 9, 10, 11 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc thẩm định đề án thành lập trường tiểu học chỉ là một trong các bước để thực hiện thủ tục thành lập trường tiểu học. Như vậy không nhất thiết phát sinh thủ tục này.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Thẩm định đề án thành lập trường tiểu học” số thứ tự 10 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

11. Thủ tục Đình chỉ hoạt động trường tiểu học, mã số hồ sơ: 101429

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đình chỉ hoạt động trường tiểu học”

Lý do: Tại điểm a khoản 2 Điều 12 Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học, quy định việc đình chỉ hoạt động của trường tiểu học được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp: Ảnh hưởng đến tính mạng của học sinh và cán bộ giáo viên của nhà trường; Vi phạm các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục ở mức độ phải đình chỉ; Không bảo đảm hoạt động bình thường của trường tiểu học. Đây là biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với trường tiểu học trên địa bàn cấp huyện được phân cấp, như vậy không cần thiết phát sinh thủ tục này.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đình chỉ hoạt động trường tiểu học” số thứ tự 13 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 12 Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học quy định hồ sơ sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể

trường tiểu học, nội dung được sửa đổi như sau: bỏ cụm từ “đình chỉ hoạt động, giải thể” quy định nội dung được điều chỉnh “Hồ sơ sáp nhập, chia, tách trường tiểu học”.

- Bãi bỏ cụm từ “đình chỉ hoạt động” tại các điểm a, b khoản 4 Điều 12 Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học.

12. Thủ tục Giải thể trường tiểu học, mã số hồ sơ: 101436

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải thể trường tiểu học”

Lý do: Tại điểm a khoản 3 Điều 12 Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học, quy định việc trường tiểu học bị giải thể khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: “Vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý, tổ chức, hoạt động của trường tiểu học; ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng giáo dục; Hết thời gian đình chỉ mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ; Mục tiêu và nội dung hoạt động ghi trong quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Theo đề nghị chính đáng của tổ chức, cá nhân thành lập trường tiểu học”. Như vậy đây là biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với trường tiểu học trên địa bàn cấp huyện được phân cấp, như vậy không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải thể trường tiểu học” số thứ tự 14 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 12 Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học quy định hồ sơ sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể trường tiểu học,

nội dung được sửa đổi như sau: bỏ cụm từ “đình chỉ hoạt động, giải thể” quy định nội dung được điều chỉnh là “Hồ sơ sáp nhập, chia, tách trường tiểu học”.

- Bãi bỏ cụm từ “giải thể” tại các điểm a, b khoản 4 Điều 12 Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học.

13. Thủ tục Thẩm định đề án thành lập trường trung học cơ sở, mã số hồ sơ: 101461

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định đề án thành lập trường trung học cơ sở”

Lý do: Tại điểm a khoản 3 Điều 11 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Quyết định số: 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thủ tục thành lập trường Phòng Giáo dục và Đào tạo đối với trường trung học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các ngành hữu quan ở cấp huyện tổ chức thẩm định về mức độ phù hợp của việc mở trường với quy hoạch mạng lưới trường trung học và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; mức độ khả thi của luận chứng quy định tại Điều 9 của Điều lệ này; trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học (theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ này). Như vậy tại quy định nêu trên việc thẩm định đề án thành lập trường trung học cơ sở không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Thẩm định đề án thành lập trường trung học cơ sở” số thứ tự 15 mục XXXI Phần II thủ tục “Giải thể Trường Tiểu học” lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

14. Thủ tục Đình chỉ hoạt động trường trung học cơ sở, mã số hồ sơ: 101498

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đình chỉ hoạt động trường trung học cơ sở”

Lý do: Tại điểm a, b khoản 1 Điều 13 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc đình chỉ hoạt động của trường trung học được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp “Vi phạm các quy định của pháp luật về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục ở mức độ phải đình chỉ; Vì lý do khách quan không bảo đảm hoạt động bình thường”. Như vậy đây là biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn cấp huyện được phân cấp và việc thực hiện biện pháp này không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đình chỉ hoạt động Trường trung học cơ sở” số thứ tự 18 mục XXXI Phần II thủ tục “Giải thể trường tiểu học” thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

15. Thủ tục Giải thể trường trung học cơ sở tư thục, mã số hồ sơ: 101528

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải thể trường trung học cơ sở tư thục”

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 4 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Quyết định số: 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định “Trường trung học có loại hình công lập và loại hình tư thục”.

- Tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 14 quy định trường trung học bị giải thể khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: “Vi phạm nghiêm trọng các quy định về

quản lý, tổ chức, hoạt động của nhà trường; Hết thời gian đình chỉ mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ; Mục tiêu, nội dung hoạt động trong quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường”.

Như vậy đây là biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn cấp huyện được phân cấp và việc thực hiện biện pháp này không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải thể trường trung học cơ sở tư thục” số thứ tự 19 mục XXXI Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

XXX. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý

1. Thủ tục Công nhận Ban Giám hiệu trường tiểu học tư thục, mã số hồ sơ: 101871

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Công nhận Ban Giám hiệu trường tiểu học tư thục”.

Lý do: Trùng lặp với thủ tục mã số 101871

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Công nhận Ban Giám hiệu trường tiểu học tư thục” số thứ tự 03 mục XXXII Phần II thuộc lĩnh vực Tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố đã được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thủ tục Tuyển dụng viên chức ngạch giáo viên Mầm non, mã số hồ sơ: 101881

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Tuyển dụng viên chức ngành giáo viên Mầm non”

Lý do: Ngày 07/7/2009 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND quy định về tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố giao cho Ủy ban nhân dân quận - huyện tuyển dụng giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học và giáo viên trung học cơ sở, các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc quận - huyện thông qua hình thức xét tuyển do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện làm Chủ tịch Hội đồng xét tuyển, như vậy đây là công việc thực hiện chức năng quản lý về giáo dục và không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Tuyển dụng viên chức ngành giáo viên Mầm non” số thứ tự 04 mục XXXII Phần II thuộc lĩnh vực Tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố đã được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Tuyển dụng viên chức ngành giáo viên tiểu học, mã số hồ sơ: 101891

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Tuyển dụng viên chức ngành giáo viên tiểu học”

Lý do: Ngày 07/7/2009 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND quy định về tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố giao cho Ủy ban nhân dân quận - huyện tuyển dụng giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học và giáo viên trung học cơ sở, các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc quận - huyện thông qua hình thức xét tuyển do Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện làm Chủ tịch Hội đồng xét tuyển, như vậy đây là công việc thực hiện chức năng quản lý về giáo dục và không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Tuyển dụng viên chức ngành giáo viên tiểu học” số thứ tự 05 mục XXXII Phần II thuộc lĩnh vực Tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố đã được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục Xét tuyển giáo viên, nhân viên hợp đồng ngạch B theo Luật Lao động, mã số hồ sơ: 101897

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xét tuyển giáo viên, nhân viên hợp đồng ngạch B theo Luật lao động”

Lý do: Ngày 07/7/2009 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND quy định về tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố giao cho Ủy ban nhân dân quận - huyện tuyển dụng giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học và giáo viên trung học cơ sở, các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc quận - huyện thông qua hình thức xét tuyển do Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện làm Chủ tịch Hội đồng xét tuyển, như vậy đây là công việc thực hiện chức năng quản lý về giáo dục và không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xét tuyển giáo viên, nhân viên hợp đồng ngạch B theo Luật lao động” số thứ tự 06 mục XXXII Phần II thuộc lĩnh vực Tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố đã được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thủ tục Xét tuyển giáo viên trung học cơ sở, mã số hồ sơ: 101901

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xét tuyển giáo viên trung học cơ sở”

Lý do: Ngày 07/7/2009 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND quy định về tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo

thành phố giao cho Ủy ban nhân dân quận - huyện tuyển dụng giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học và giáo viên trung học cơ sở, các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc quận - huyện thông qua hình thức xét tuyển do Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện làm Chủ tịch Hội đồng xét tuyển, như vậy đây là công việc thực hiện chức năng quản lý về giáo dục và không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xét tuyển giáo viên trung học cơ sở” số thứ tự 07 mục XXXII Phần II thuộc lĩnh vực Tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố đã được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

XXXI. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Hệ thống văn bằng chứng chỉ

1. Thủ tục Cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, mã số hồ sơ: 101908

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở”.

Lý do: Tại khoản 1 Điều 18 Chương IV Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân quy định “Người có thẩm quyền quy định tại Điều 16 của Quy chế này có trách nhiệm cấp văn bằng cho người học chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày xét tốt nghiệp trung học cơ sở...”. Do đó, không cần thiết phát sinh thêm thủ tục này.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở” số thứ tự 01 mục XXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Hệ thống văn bằng chứng chỉ tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thủ tục Cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở cho học sinh được công nhận tốt nghiệp bổ túc trung học cơ sở, mã số hồ sơ: 101918

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở cho học sinh được công nhận tốt nghiệp tốt nghiệp bổ túc trung học cơ sở”

Lý do: Tại khoản 1 Điều 18 Chương IV Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân quy định “Người có thẩm quyền quy định tại Điều 16 của Quy chế này có trách nhiệm cấp văn bằng cho người học chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày xét tốt nghiệp trung học cơ sở...”. Do đó, không cần thiết phát sinh thêm thủ tục này.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Cấp bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở cho học sinh được công nhận tốt nghiệp tốt nghiệp bổ túc trung học cơ sở” số thứ tự 04 mục XXXIV Phần II thuộc lĩnh vực hệ thống văn bằng chứng chỉ Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Cấp bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở cho học sinh, học viên đã tốt nghiệp bổ túc trung học cơ sở, mã số hồ sơ: 101922

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Thay thế tên thủ tục hành chính

Lý do: cần bổ sung 01 điểm mới quy định về thủ tục Cấp bản sao bằng sao tốt nghiệp Trung học cơ sở hệ bổ túc tại Điều 23 Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Bãi bỏ nộp bản sao chứng minh nhân dân; ảnh 4 x 6;

Lý do: Tại Điều 23 Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống

giáo dục quốc dân quy định: “Các quy định trong Chương này áp dụng đối với việc cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc. Việc chứng thực bản sao văn bằng, chứng chỉ từ bản chính thực hiện theo quy định của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký”; Tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký quy định “Người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc phải xuất trình chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác”. Như vậy việc yêu cầu nộp bản sao chứng minh nhân dân, ảnh 4 x 6 là không phù hợp theo quy định.

c) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính này.

Lý do: Tại khoản 2 Điều 10 quy định thời hạn cấp bản sao được thực hiện như sau: “Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu; Trong trường hợp yêu cầu được gửi qua bưu điện thì chậm nhất là trong 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu (theo dấu ngày đến của bưu điện), cơ quan, tổ chức cấp bản sao phải gửi bản sao cho người yêu cầu”. Do đó việc giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 03 ngày còn từ 1 - 2 ngày là đúng quy định.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Thay thế tên thủ tục là “Cấp bản sao bằng sao tốt nghiệp Trung học cơ sở hệ bổ túc”; bổ sung 01 điểm mới quy định về thủ tục Cấp bản sao bằng sao tốt nghiệp Trung học cơ sở hệ bổ túc tại Điều 23 Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Bãi bỏ nội dung quy định nộp bản sao chứng minh nhân dân; nộp ảnh 4 x 6 và thời hạn nộp hồ sơ từ 1 - 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đã được công bố số thứ tự 05 mục XXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Hệ thống văn bằng chứng chỉ tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

XXXII. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo

1. Thủ tục Cấp phép dạy thêm cấp trung học cơ sở và tiểu học, mã số hồ sơ: 101786

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Cấp phép dạy thêm cấp trung học cơ sở và tiểu học”

Lý do:

- Tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Quyết định số 03/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm học thêm quy định các trường hợp không thực hiện dạy thêm, học thêm quy định: “Đối với các trường dạy học hai buổi trong một ngày, nhà trường và giáo viên không được tổ chức dạy thêm, học thêm cho học sinh” và “Không dạy thêm học thêm cho học sinh tiểu học,....”

- Thực tế hiện nay cấp tiểu học, trung học cơ sở về cơ bản đã thực hiện việc dạy học 2 buổi/ngày, như vậy việc duy trì cấp phép dạy thêm, học thêm cấp trung học cơ sở và tiểu học là không phù hợp với quy định nêu trên.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ Quyết định số 21/2008/QĐ-UBND ngày 25/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với trường hợp dạy thêm học thêm cấp trung học cơ sở và tiểu học ở ngoài nhà trường thì giáo viên chỉ đăng ký nội dung dạy thêm tại Phòng Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ nội dung đăng ký của giáo viên dạy thêm Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ (hậu kiểm).

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Cấp phép dạy thêm cấp trung học cơ sở và tiểu học” số thứ tự 01 mục XXXV Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thủ tục Đình chỉ hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn, mã số hồ sơ: 101819

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Nội dung sửa đổi, bổ sung: thời gian giải quyết của thủ tục hành chính.

Lý do: Tại khoản 3 điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 24/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo không quy định thời gian giải quyết thủ tục này.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định “thời gian giải quyết thủ tục “Đình chỉ hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn” là 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ” tại Điều 9 của Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thủ tục Giải thể Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn, mã số hồ sơ: 101828

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Nội dung sửa đổi, bổ sung: thời gian giải quyết của thủ tục hành chính.

Lý do: Tại khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 75/2005/NĐ-CP ngày 02/8/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giáo dục và khoản 2 Điều 10 của Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo không quy định thời gian giải quyết thủ tục này.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung thời gian giải quyết thủ tục Giải thể Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn là 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ tại Điều 10 của Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thủ tục Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học, mã số hồ sơ: 101838

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học”

Lý do: Tại điểm b khoản 2 Điều 13 Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành kèm theo Điều lệ trường tiểu học quy định: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, xem xét, có văn bản cho phép thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học...”. Như vậy việc cho phép thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học” số thứ tự 05 mục XXXV Phần II thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung thủ tục “Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học” vào bộ thủ tục hành chính áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố.

XXXIII. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Hành chính tư pháp

1. Thủ tục Cấp bản sao hộ tịch từ sổ gốc (khai sinh, khai tử, kết hôn), mã số hồ sơ: 101686

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung thời hạn giải quyết thủ tục

Lý do: Thủ tục này quy định thời hạn giải quyết là 04 ngày làm việc, trường hợp cần xác minh thêm thì có thể kéo dài hơn nhưng không quá 05 ngày làm việc, tuy nhiên tại Điều 60 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch không quy định thời gian giải quyết cấp bản sao.

Tại Điều 10 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký quy định thời hạn cấp bản sao ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu quy định này áp dụng trong trường hợp cấp bản sao hộ tịch là khó thực hiện vì cơ quan tiếp nhận phải thực hiện các thao tác nghiệp vụ lục bộ, đánh máy và trình ký.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung):

Bổ sung quy định tại Điều 60 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, nội dung “Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc”.

2. Thủ tục Cấp lại bản chính giấy khai sinh, mã số hồ sơ: 101687

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bỏ yêu cầu nộp bản sao Giấy khai sinh được cấp mới nhất hoặc bản trích lục y

Lý do: Về thành phần hồ sơ yêu cầu nộp bản chính giấy khai sinh cũ (nếu có) hoặc bản sao giấy khai sinh được cấp mới nhất hoặc bản trích lục y, tuy nhiên tại khoản 1 Điều 63 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch chỉ quy định nộp tờ khai và bản chính giấy khai sinh cũ (nếu có), không quy định cung cấp bản sao giấy khai sinh được cấp mới nhất hoặc bản trích lục y. Việc yêu cầu cung cấp bản sao giấy khai sinh được cấp mới nhất hoặc bản trích lục y là không cần thiết và gây phiền hà cho người dân.

b) Bổ sung thời hạn cấp lại bản chính giấy khai sinh

Lý do: Bộ thủ tục quy định thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc, trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài không quá 05 ngày, tuy nhiên tại Điều 63 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch không quy định thời hạn giải quyết khi cấp lại bản chính giấy khai sinh nhưng qua thực tế áp dụng nhận thấy áp dụng thời hạn 05 ngày làm việc, trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài không quá 05 ngày là hợp lý.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung):

- Bãi bỏ yêu cầu có bản chính giấy khai sinh cũ (nếu có) hoặc bản sao giấy khai

sinh được cấp mới nhất hoặc bản trích lục y nội dung này trong thành phần đã được công bố số thứ tự 03 mục XXXVI Phần II thuộc lĩnh vực Hành chính tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

- Bổ sung quy định tại Điều 63 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch nội dung “Thời hạn là 05 ngày làm việc, trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài không quá 05 ngày”.

3. Thủ tục Bổ sung hộ tịch cho mọi trường hợp không phân biệt độ tuổi, mã số hồ sơ: 101688

3.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi mức lệ phí chuyển sang quy định không thu lệ phí khi thực hiện thủ tục này

Lý do: Tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ cụ thể quy định việc miễn thu lệ phí hộ tịch quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, gồm các việc khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo mức thu của Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về miễn thu lệ phí đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi đối tượng.

b) Bổ sung yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục này

Lý do: Tại Điều 10 và Điều 38 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch quy định: ngoài yêu cầu điều kiện về cơ quan có thẩm quyền còn có yêu cầu điều kiện đối với trường hợp ủy quyền cho người khác làm thay. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được công chứng, chứng thực hợp lệ; yêu cầu, điều kiện đối với trường hợp bổ sung hộ tịch cho người chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Các yêu cầu điều kiện này nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân khi họ không thể tự mình thực hiện việc bổ sung hộ tịch và nhờ người khác làm thay.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi nội dung đã công bố mức thu lệ phí tại số thứ tự 04 mục XXXVI Phần II thuộc lĩnh vực Hành chính tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để chuyển sang thực hiện miễn thu lệ phí quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bổ sung yêu cầu điều kiện để thực hiện thủ tục này tại số thứ tự 05 Phần XXXVI thuộc lĩnh vực Hành chính tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, nội dung bổ sung:

* Yêu cầu, điều kiện đối với trường hợp ủy quyền cho người khác làm thay. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được công chứng, chứng thực hợp lệ;

* Yêu cầu, điều kiện đối với trường hợp điều chỉnh hộ tịch cho người chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự được thực hiện theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

4. Thủ tục Điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp không phân biệt độ tuổi, mã số hồ sơ: 101689

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung tờ khai trong thành phần hồ sơ

Lý do: Về quy định thành phần hồ sơ có tờ khai tại Điều 39 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch không quy định tờ khai trong thành phần hồ sơ; Mẫu (Tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính ban hành kèm theo Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày 29/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp) về tên gọi của tờ khai không quy định áp dụng trong trường hợp điều chỉnh hộ tịch; nội dung của tờ khai không đảm bảo yêu cầu về nội dung của việc điều chỉnh hộ tịch. Để

tạo thuận lợi cho cá nhân trình bày yêu cầu của họ được rõ ràng và giúp cho cơ quan quản lý hộ tịch có cơ sở pháp lý thực hiện việc điều chỉnh hộ tịch cần thiết phải có tờ khai.

b) Sửa đổi nội dung công bố mức thu lệ phí chuyển sang quy định không thu lệ phí khi thực hiện thủ tục này

Lý do: Tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ cụ thể quy định việc miễn thu lệ phí hộ tịch quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, gồm các việc khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo mức thu của Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về miễn thu lệ phí đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi đối tượng.

c) Bổ sung yêu cầu điều kiện để thực hiện thủ tục này

Lý do: Tại Điều 10, Điều 38 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch quy định: việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được công chứng, chứng thực hợp lệ; Yêu cầu, điều kiện đối với trường hợp điều chỉnh hộ tịch cho người chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Các yêu cầu điều kiện này nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân khi họ không thể tự mình thực hiện việc điều chỉnh hộ tịch nhưng chưa được công bố công khai trong bộ thủ tục áp dụng chung tại quận - huyện trên địa bàn thành phố.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tờ khai trong thành phần hồ sơ tại Điều 39 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch

- Bổ sung nội dung “điều chỉnh hộ tịch” mẫu tờ khai ban hành kèm theo Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày 29/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, cụ thể tên: “Tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính”.

- Sửa đổi nội dung đã công bố mức thu lệ phí tại số thứ tự 05 mục XXXVI Phần II thuộc lĩnh vực Hành chính tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính

chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để chuyển sang thực hiện miễn thu lệ phí quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bổ sung yêu cầu điều kiện để thực hiện thủ tục này tại số thứ tự 05 mục XXXVI Phần II thuộc lĩnh vực Hành chính tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, nội dung bổ sung:

* Yêu cầu, điều kiện đối với trường hợp ủy quyền cho người khác làm thay. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được công chứng, chứng thực hợp lệ;

* Yêu cầu, điều kiện đối với trường hợp điều chỉnh hộ tịch cho người chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự được thực hiện theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

5. Thủ tục Xác định lại giới tính, mã số hồ sơ:101692

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục

Lý do: Theo quy định tại Điều 10 và Điều 38 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ ngoài yêu cầu điều kiện về cơ quan có thẩm quyền còn có yêu cầu điều kiện đối với trường hợp ủy quyền cho người khác làm thay. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được công chứng, chứng thực hợp lệ; yêu cầu, điều kiện đối với trường hợp bổ sung hộ tịch cho người chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Các yêu cầu điều kiện này nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân khi họ không thể tự mình thực hiện việc bổ sung hộ tịch và nhờ người khác làm thay.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung yêu cầu điều kiện để thực hiện thủ tục này tại số thứ tự 07 mục XXXVI Phần II thuộc lĩnh vực Hành chính tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính

chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, nội dung bổ sung:

* Yêu cầu, điều kiện đối với trường hợp ủy quyền cho người khác làm thay. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được công chứng, chứng thực hợp lệ;

* Yêu cầu, điều kiện đối với trường hợp điều chỉnh hộ tịch cho người chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự được thực hiện theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc người giám hộ

6. Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đối với trường hợp đăng ký quá hạn tại Ủy ban nhân dân quận 1 từ 7/1986 đến năm 1997, mã số hồ sơ: 101693

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục “Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đối với trường hợp đăng ký quá hạn tại Ủy ban nhân dân quận 1 từ 7/1986 đến năm 1997”

Lý do: Nhằm thực hiện thống nhất trình tự, thủ tục cấp bản sao đối với các giấy tờ hộ tịch theo khoản 2, Điều 60 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi lưu trữ sổ hộ tịch thực hiện việc cấp bản sao.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đối với trường hợp đăng ký quá hạn tại Ủy ban nhân dân quận 1 từ 7/1986 đến năm 1997” số thứ tự 08 mục XXXVI Phần II thuộc lĩnh vực Hành chính tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để thay thế thành thủ tục “Cấp bản sao hộ tịch từ sổ gốc”.

7. Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đối với trường hợp đăng ký quá hạn tại Ủy ban nhân dân quận (huyện Thủ Đức cũ) từ năm 1989 đến năm 1997, mã số hồ sơ: 101695

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục “Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đối với trường hợp đăng ký quá hạn tại Ủy ban nhân dân quận (huyện Thủ Đức cũ) từ năm 1989 đến năm 1997”

Lý do: Việc cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đối với trường hợp đăng ký quá hạn tại Ủy ban nhân dân quận (huyện Thủ Đức cũ) từ năm 1989 đến năm 1997 đều thực hiện từ quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đối với trường hợp đăng ký quá hạn tại Ủy ban nhân dân quận (huyện Thủ Đức cũ) từ năm 1989 đến năm 1997” số thứ tự 09 mục XXXVI Phần II thuộc lĩnh vực Hành chính tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để thay thế thành thủ tục “Cấp bản sao hộ tịch từ sổ gốc”.

8. Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đối với trường hợp đăng ký quá hạn tại Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi từ năm 1988 đến ngày 30/6/1997, mã số hồ sơ: 101697

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục “Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đối với trường hợp đăng ký quá hạn tại Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi từ năm 1988 đến ngày 30/6/1997”

Lý do: Việc cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đối với trường hợp đăng ký quá hạn tại Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi từ năm 1988 đến ngày 30/6/1997 đều thực hiện từ quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đối với trường hợp đăng ký quá hạn tại Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi từ năm 1988 đến ngày 30/6/1997” số thứ tự 10 mục XXXVI Phần II thuộc lĩnh vực Hành chính tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện

trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để thay thế thành thủ tục “Cấp bản sao hộ tịch từ sổ gốc”.

- Bổ sung quy định tại Điều 60 Nghị định số 158//2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, nội dung: “Thời gian giải quyết là 04 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ liên quan, trường hợp cần xác minh có thể kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc”.

- Bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 60 của Nghị định số 158//2005/NĐ-CP, ngày 27/12/2005 của Chính phủ nội dung: “Người yêu cầu cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch đề nghị trực tiếp hoặc có thể gửi đề nghị qua đường bưu điện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định”; tại khoản 3 Điều này quy định: “Nội dung đề nghị bao gồm thông tin cá nhân người yêu cầu cấp bản sao và nội dung bản sao xin được cấp”.

XXXIV. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực **Bổ trợ tư pháp**

1. Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài hoặc song ngữ, mã số hồ sơ: 101008

1.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài hoặc song ngữ”

Lý do:

- Chứng thực bản sao từ bản chính để xác nhận bản sao đúng với bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị pháp lý sử dụng thay cho bản chính đó trong các giao dịch. Đây là chức năng, nhiệm vụ có thể được Nhà nước chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền khác hoặc tổ chức khác có năng lực thực hiện để đạt hiệu quả hơn, Nhà nước chỉ quản lý theo mục tiêu của xã hội, đúng định hướng, không cần thiết phải cung ứng dịch vụ này. Ở một số nước tiên tiến, việc chứng thực được chuyển giao cho các tổ chức tư nhân thực hiện.

- Việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và các văn bản, giấy tờ song ngữ thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện có thể được chuyển giao cho các cơ quan có thẩm quyền khác thực hiện, cụ thể:

+ Việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản song ngữ chủ yếu

bao gồm những giấy tờ, văn bản mang tính chất hai ngôn ngữ là tiếng Việt và tiếng nước ngoài nên có thể chuyển giao cho UBND cấp xã thực hiện để thuận tiện hơn cho người có nhu cầu chứng thực.

+ Việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài do có yếu tố nước ngoài nên có thể chuyển giao cho tổ chức hành nghề công chứng có năng lực thực hiện để đảm bảo chặt chẽ hơn, phòng ngừa vi phạm pháp luật.

- Chuyển giao việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài cho tổ chức hành nghề công chứng thực hiện.

- Chuyển giao việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản song ngữ (trong đó có một ngôn ngữ là tiếng Việt) cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung):

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài hoặc song ngữ” số thứ tự 01 mục XXXVII Phần II thuộc lĩnh vực Hỗ trợ tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bãi bỏ quy định “Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài” tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

- Bãi bỏ nội dung “Trưởng phòng, Phó Trưởng Phòng Tư pháp cấp huyện thực hiện chứng thực các việc theo quy định tại khoản 1 Điều này và đóng dấu của Phòng Tư pháp” quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

- Bãi bỏ quy định tại điểm d mục 1 Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

- Bãi bỏ quy định “Tổ chức thực hiện tốt việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài hoặc song ngữ (tiếng Việt và tiếng nước

ngoài)” tại điểm a mục 2 Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

- Bãi bỏ quy định tại điểm b mục 2 Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

- Bãi bỏ quy định tại điểm đ mục 2 Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

- Sửa đổi nội dung quy định tại điểm b mục 1 Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. Cụ thể: “b) Đối với các giấy tờ, văn bản chỉ bằng tiếng nước ngoài hoặc chủ yếu bằng tiếng nước ngoài có xen một số từ bằng tiếng Việt (ví dụ: văn bằng, chứng chỉ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp cho người Việt Nam trong đó có ghi tên người Việt Nam bằng tiếng Việt...) thì cơ quan có thẩm quyền chứng thực là tổ chức hành nghề công chứng”.

- Sửa đổi nội dung quy định tại điểm c mục 1 Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. Cụ thể: “c) Đối với các giấy tờ, văn bản có tính chất song ngữ (trong đó có một ngôn ngữ là tiếng Việt) (ví dụ: Hộ chiếu của công dân Việt Nam, chứng chỉ tốt nghiệp của các trường đại học Việt Nam liên kết với trường đại học của nước ngoài... trong đó có ghi đầy đủ bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) thì cơ quan có thẩm quyền chứng thực là Ủy ban nhân dân cấp xã”.

- Bổ sung thẩm quyền cho tổ chức hành nghề công chứng được công chứng bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài quy định tại Điều 2 Luật Công chứng, cụ thể: “Công chứng là việc công chứng viên chứng nhận tính xác thực, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch khác (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch) bằng văn bản mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng và thực hiện các việc khác theo quy định của pháp luật”.

- Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Công chứng, cụ thể: “Hợp đồng, giao dịch bằng văn bản, bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản đã được công chứng theo quy định của Luật này gọi là văn bản công chứng”.

- Bổ sung nội dung quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, cụ thể: “Chứng thực bản sao từ bản chính là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức hành nghề công chứng theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính”.

- Bổ sung thẩm quyền cho tổ chức hành nghề công chứng được thực hiện các việc khác theo quy định của pháp luật, cụ thể khoản 1 Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký quy định: 1. Tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền và trách nhiệm: a) “Công chứng bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài”.

- Bổ sung thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản song ngữ, cụ thể điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký quy định: “2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) có thẩm quyền và trách nhiệm: a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt hoặc song ngữ”.

2. Thủ tục Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, mã số hồ sơ: 101012

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài”

Lý do:

- Chứng thực, công chứng chữ ký để xác nhận đúng là người yêu cầu chứng thực, công chứng đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về

nội dung giấy tờ, văn bản. Đây là chức năng, nhiệm vụ có thể được Nhà nước chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền khác hoặc tổ chức khác có năng lực thực hiện để đạt hiệu quả hơn, Nhà nước chỉ quản lý theo mục tiêu của xã hội, đúng định hướng, không cần thiết phải cung ứng dịch vụ này. Ở một số nước tiên tiến, việc chứng thực được chuyển giao cho các tổ chức tư nhân thực hiện.

- Việc chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện do có yếu tố nước ngoài nên có thể chuyển giao cho tổ chức hành nghề công chứng có năng lực thực hiện nhằm xã hội hóa hoạt động công chứng, chứng thực; đảm bảo các giấy tờ, văn bản được chứng thực chặt chẽ hơn, phòng ngừa vi phạm pháp luật.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung):

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài” số thứ tự 02 mục XXXVII Phần II thuộc lĩnh vực Bổ trợ tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bãi bỏ quy định “chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài” tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

- Bãi bỏ nội dung “Trưởng phòng, Phó Trưởng Phòng Tư pháp cấp huyện thực hiện chứng thực các việc theo quy định tại khoản 1 Điều này và đóng dấu của Phòng Tư pháp” quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

- Bãi bỏ quy định “chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài” tại điểm a mục 2 Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố;

- Bãi bỏ quy định tại điểm b mục 2 Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

- Bãi bỏ quy định tại điểm c mục 2 Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

- Bãi bỏ quy định tại điểm đ mục 2 Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

- Bổ sung thẩm quyền cho tổ chức hành nghề công chứng được công chứng chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài quy định tại Điều 2 Luật Công chứng, cụ thể: “Công chứng là việc công chứng viên chứng nhận tính xác thực, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch khác (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch) bằng văn bản mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng và thực hiện các việc khác theo quy định của pháp luật”.

- Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Công chứng, cụ thể: “Hợp đồng, giao dịch bằng văn bản, chữ ký trong các giấy tờ, văn bản đã được công chứng theo quy định của Luật này gọi là văn bản công chứng”.

- Bổ sung nội dung quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, cụ thể: “Chứng thực chữ ký là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức hành nghề công chứng theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người đã yêu cầu chứng thực”.

- Bổ sung thẩm quyền cho tổ chức hành nghề công chứng được thực hiện các việc khác theo quy định của pháp luật, cụ thể khoản 1 Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký quy định: 1. Tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền và trách nhiệm: b) “Công chứng chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài”.

- Sửa nội dung quy định tại mục 6 “Về cộng tác viên dịch thuật” Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; cụ thể: “Để tạo điều kiện thuận lợi cho người yêu cầu chứng thực trong việc liên hệ tìm người dịch, tổ chức hành nghề công chứng có thể tổ chức đội ngũ cộng tác viên dịch thuật. Người có đủ một trong các tiêu chuẩn nêu tại điểm a hoặc b khoản 5 của Thông tư này được đăng ký làm cộng tác viên dịch thuật của một hoặc nhiều tổ chức hành nghề công chứng trong phạm vi cả nước.

Người dịch là cộng tác viên của tổ chức hành nghề công chứng phải ký hợp đồng dịch thuật với Trưởng Phòng Công chứng hoặc Trưởng Văn phòng công chứng, trong đó cam kết thực hiện dịch chính xác và chấp hành nội quy dịch thuật của tổ chức hành nghề công chứng.

Danh sách cộng tác viên dịch thuật được niêm yết công khai tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng để tạo điều kiện thuận lợi cho người có nhu cầu dịch thuật liên hệ”.

- Sửa nội dung quy định tại mục 7 “Về thù lao dịch thuật” Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; cụ thể:

“Về nguyên tắc, mức thù lao dịch thuật do người yêu cầu dịch và người dịch tự thỏa thuận”. Tuy nhiên, để tránh tình trạng người dịch đưa ra mức thù lao quá cao, đồng thời để tạo điều kiện cho công tác quản lý nhà nước về dịch thuật, Sở Tư pháp cần phối hợp với Sở Tài chính xây dựng biểu mức thù lao dịch thuật.

Mức thù lao dịch thuật phải được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của tổ chức hành nghề công chứng”.

3. Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và các văn bản, giấy tờ song ngữ, mã số hồ sơ: 101014

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và các văn bản, giấy tờ song ngữ”

Lý do:

- Chứng thực, công chứng chữ ký để xác nhận đúng là người yêu cầu chứng thực, công chứng đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung giấy tờ, văn bản. Đây là chức năng, nhiệm vụ có thể được Nhà nước chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền khác hoặc tổ chức khác có năng lực thực hiện để đạt hiệu quả hơn, Nhà nước chỉ quản lý theo mục tiêu của xã hội, đúng định hướng, không cần thiết phải cung ứng dịch vụ này. Ở một số nước tiên tiến, việc chứng thực được chuyển giao cho các tổ chức tư nhân thực hiện.

- Việc chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và các văn bản, giấy tờ song ngữ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể được chuyển giao cho các cơ quan có thẩm quyền khác thực hiện, cụ thể:

+ Việc chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản song ngữ chủ yếu bao gồm những giấy tờ, văn bản mang tính chất hai ngôn ngữ là tiếng Việt và tiếng nước ngoài nên có thể chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện để thuận tiện hơn cho người có nhu cầu chứng thực.

+ Việc chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài do có yếu tố nước ngoài nên có thể chuyển giao cho tổ chức hành nghề công chứng có năng lực thực hiện để đảm bảo chặt chẽ hơn, phòng ngừa vi phạm pháp luật

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và các văn bản, giấy tờ song ngữ” số thứ tự 03 mục XXXVII Phần II thuộc lĩnh vực Bổ trợ tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bãi bỏ quy định “chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài” tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

- Bãi bỏ nội dung “Trưởng phòng, Phó Trưởng Phòng Tư pháp cấp huyện thực hiện chứng thực các việc theo quy định tại khoản 1 Điều này và đóng dấu của Phòng Tư pháp” quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007

của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

- Bãi bỏ quy định “chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản song ngữ” tại điểm a mục 2 Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

- Bãi bỏ quy định tại điểm b mục 2 Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

- Bãi bỏ quy định tại điểm đ mục 2 Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

- Bổ sung thẩm quyền cho tổ chức hành nghề công chứng được công chứng chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài quy định tại Điều 2 Luật Công chứng, cụ thể: “Công chứng là việc công chứng viên chứng nhận tính xác thực, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch khác (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch) bằng văn bản mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng và thực hiện các việc khác theo quy định của pháp luật”.

- Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Công chứng, cụ thể: “Hợp đồng, giao dịch bằng văn bản, chữ ký trong các giấy tờ, văn bản đã được công chứng theo quy định của Luật này gọi là văn bản công chứng”.

- Bổ sung nội dung quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, cụ thể: “Chứng thực chữ ký là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức hành nghề công chứng theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người đã yêu cầu chứng thực”.

- Bổ sung thẩm quyền cho tổ chức hành nghề công chứng được thực hiện các việc khác theo quy định của pháp luật, cụ thể khoản 1 Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực

bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký quy định: 1. Tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền và trách nhiệm: c) “Công chứng chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài”.

4. Thủ tục Văn bản phân chia di sản đối với động sản dưới 50 triệu, mã số hồ sơ: 101017

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên thủ tục hành chính

Lý do: Tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực quy định thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã là “Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản”. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản đã được công chứng, chứng thực là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký việc thực hiện chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho người được hưởng di sản.

b) Sửa đổi tên lĩnh vực của thủ tục

Lý do: Tại Quyết định số 1875/QĐ-BTP ngày 05/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp, theo đó thủ tục “Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản” thuộc lĩnh vực hành chính tư pháp

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi tên thủ tục “Văn bản phân chia di sản đối với động sản dưới 50 triệu” chuyển thành tên thủ tục “Chứng thực Văn bản phân chia di sản đối với động sản dưới 50 triệu” tại số thứ tự 04 mục XXXVII Phần II thuộc lĩnh vực Bổ trợ tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Sửa đổi lĩnh vực của thủ tục “Văn bản phân chia di sản đối với động sản dưới 50 triệu” từ “Bổ trợ tư pháp” chuyển lĩnh vực “Hành chính tư pháp” tại số thứ tự 04 mục XXXVII Phần II thuộc lĩnh vực Bổ trợ tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thủ tục Văn bản khai nhận di sản đối với động sản dưới 50 triệu, mã số hồ sơ: 101022

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên thủ tục hành chính

Lý do: Tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực quy định thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã là “Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản”.

b) Sửa đổi tên lĩnh vực của thủ tục

Lý do: Tại Quyết định số 1875/QĐ-BTP ngày 05/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp, theo đó thủ tục “Chứng thực văn bản khai nhận di sản di sản” thuộc lĩnh vực Hành chính tư pháp

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi tên thủ tục “Văn bản khai nhận di sản đối với động sản dưới 50 triệu” chuyển thành tên thủ tục “Chứng thực Văn bản khai nhận di sản đối với động sản dưới 50 triệu” tại số thứ tự 05 mục XXXVII Phần II thuộc lĩnh vực Bổ trợ tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Sửa đổi lĩnh vực của thủ tục “Văn bản khai nhận di sản đối với động sản dưới 50 triệu” từ lĩnh vực “Bổ trợ tư pháp” chuyển lĩnh vực “Hành chính tư pháp” tại số thứ tự 05 mục XXXVII Phần II thuộc lĩnh vực Bổ trợ tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thủ tục Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan động sản có giá trị dưới 50 triệu đồng, mã số hồ sơ: 101024

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan động sản có giá trị dưới 50 triệu đồng”

Lý do:

- Khoản 8 Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký đã quy định từng bước chuyển giao các hợp đồng, giao dịch cho các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện theo đúng tinh thần của Luật Công chứng.

- Ngày 26/10/2009 Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 3745/BTP-BTTP về việc chuyển giao thẩm quyền chứng nhận hợp đồng, giao dịch sang tổ chức hành nghề công chứng, nhằm tách bạch rõ hoạt động công chứng với hoạt động chứng thực, tăng cường bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch của tổ chức, cá nhân.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan động sản có giá trị dưới 50 triệu đồng” số thứ tự 06 mục XXXVII Phần II thuộc lĩnh vực Hỗ trợ tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực.

- Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định chuyển giao việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan động sản có giá trị dưới 50 triệu đồng thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện sang cho tổ chức hành nghề công chứng thực hiện theo quy định của Luật Công chứng.

7. Thủ tục Chứng thực văn bản ủy quyền, mã số hồ sơ: 101680

7.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi tên thủ tục hành chính

Lý do: Tại Điều 48 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực quy định về công chứng, chứng thực hợp đồng ủy quyền, giấy ủy quyền. Việc ủy quyền không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì không phải lập thành hợp đồng ủy quyền mà có thể được lập thành giấy ủy quyền và chỉ cần người ủy quyền ký vào giấy ủy quyền

b) Bổ sung quy định thời gian giải quyết

Lý do: Việc chứng thực chữ ký, cán bộ tiếp nhận chỉ cần đối chiếu giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác có dán hình để đối chiếu. cá nhân có yêu cầu có đúng với cá nhân đứng tên trong văn bản hay không nên không cần thời gian để xác minh nhân thân.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi tên thủ tục “Chứng thực văn bản ủy quyền” chuyển thành tên thủ tục “Công chứng, chứng thực hợp đồng ủy quyền, giấy ủy quyền” tại số thứ tự 07 mục XXXVII Phần II thuộc lĩnh vực Bổ trợ tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bãi bỏ cụm từ “...trường hợp cần phải xác minh làm rõ nhân thân của người có yêu cầu chứng thực thì thời hạn trên được kéo dài thêm nhưng không được quá 03 ngày làm việc” tại Điều 19 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

8. Thủ tục Chứng thực chữ ký, mã số hồ sơ 101681

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ cụm từ về thời hạn chứng thực chữ ký

Lý do: Tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, quy định “Người yêu cầu chứng thực phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực”; tại khoản 3 Điều này “Người thực hiện chứng thực phải ghi rõ ngày, tháng, năm chứng thực; địa điểm chứng thực; số giấy tờ tùy thân của người yêu cầu chứng thực, ngày cấp, nơi cấp; chữ ký trong giấy tờ, văn bản đúng là chữ ký của người yêu

cầu chứng thực; sau đó ký và ghi rõ họ, tên và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền chứng thực”. Như vậy khi chứng thực chữ ký, cán bộ tiếp nhận chỉ cần đối chiếu giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác có dán hình để đối chiếu cá nhân có yêu cầu có đúng với cá nhân đứng tên trong văn bản hay không mà không cần thiết quy định thời gian để xác minh nhân thân.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ cụm từ “...trường hợp cần phải xác minh làm rõ nhân thân của người yêu cầu chứng thực thì thời hạn trên được kéo dài thêm nhưng không được quá 3 ngày làm việc” được quy định tại Điều 19 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

9. Thủ tục Chứng thực việc khác theo quy định của pháp luật, mã số hồ sơ: 101682

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Chứng thực việc khác theo quy định của pháp luật”

Lý do:

- Tại điểm e khoản 1 Điều 22 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện về chứng thực trong đó có nội dung “Các việc khác theo quy định của pháp luật” là thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng để thực hiện.

- Tại Điều 24 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký đã thay thế các quy định về chứng thực bản sao, chữ ký trong Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực nhưng không nêu cụ thể các điều khoản thay thế như vậy, rõ ràng không có sự liên kết pháp lý chặt chẽ trong việc ban hành văn bản pháp luật mới đã phát sinh một thủ tục không cần thiết.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Chứng thực việc khác theo quy định của pháp

luật” số thứ tự 09 mục XXXVII Phần II thuộc lĩnh vực Bổ trợ tư pháp tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

XXXV. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Văn thư lưu trữ

1. Thủ tục Sao lục văn bản hành chính, mã số hồ sơ: 101000

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Nội dung thay thế thủ tục “Sao lục văn bản hành chính”.

Lý do: Từ Điều 18 đến Điều 24 Mục 2 Chương II Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia; từ Điều 15 đến Điều 20 Nghị định số 111/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia quy định: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ thuộc phong lưu trữ quốc gia Việt Nam để phục vụ yêu cầu công tác, nghiên cứu khoa học và các nhu cầu chính đáng của mình theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, hiện nay cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quy định và hướng dẫn cụ thể thống nhất việc khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp quận - huyện để đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp khi có nhu cầu chính đáng chứ không chỉ là thủ tục đặc thù đang thực hiện tại Ủy ban nhân dân quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Sao lục văn bản hành chính” số thứ tự 01 mục XXXVIII Phần II thuộc lĩnh vực Văn thư lưu trữ tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để thay thế thành thủ tục “Sao lục tài liệu lưu trữ”.

- Bổ sung 01 điều mới sau Điều 20 Nghị định số 111/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia quy định tên thủ tục “sao tài liệu lưu trữ”, bao gồm: trình tự thực hiện, hồ sơ (thành phần và số lượng hồ sơ), thời gian giải quyết và thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính này.

- Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quy định “Sao tài liệu lưu trữ” tại Điều 20 Nghị định số 111/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ để thực hiện thủ tục sao tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân cấp quận - huyện, đáp ứng nhu cầu chính đáng của công dân, tổ chức.

XXXVI. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước

1. Thủ tục Thẩm định đề án thành lập tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp, mã số hồ sơ: 099997

1.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

- Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định đề án thành lập tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước”.

Lý do:

- Tại khoản 3 Điều 16 nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong lĩnh vực tổ chức hệ thống hành chính nhà nước Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25/12/2001 quy định: “Quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan thuộc Chính phủ; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và hướng dẫn về tổ chức một số cơ quan chuyên môn để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với đặc điểm riêng của địa phương; quy định mức biên chế hành chính, sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân”;

- Tại khoản 2 Điều 95 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003 quy định “Xây dựng đề án thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân theo hướng dẫn của Chính phủ trình Hội đồng nhân dân quyết định”; và tại khoản 2 Điều 107 quy định: “Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp trên”, tuy nhiên việc cập nhật văn bản pháp luật khi ban hành Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước là chưa nhất quán với quy định tại Luật này;

- Tại điểm đ Điều 2 Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ

chức sự nghiệp nhà nước quy định: “Các tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện)”;

tại điểm d khoản 1 Điều 12 quy định: “Các tổ chức thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì cơ quan thẩm định là Phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội, do vậy quy định hiện hành này không đạt được mục tiêu đề ra.

- Tại Điều 13 Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Việc thành lập tổ chức hành chính nhà nước thuộc nhiệm vụ quyền hạn của Chính phủ, do đó không cần thiết phải phát sinh thêm thủ tục.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước thay thế bằng Nghị định khác để bảo đảm nhất quán với Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Thẩm định đề án thành lập tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước” số thứ tự 01 mục XXXX Phần II thuộc lĩnh vực Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thủ tục Thẩm định đề án tổ chức lại tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp, mã số hồ sơ: 100012

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định đề án tổ chức lại tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước”.

Lý do:

- Tại khoản 3 Điều 16 nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong lĩnh vực tổ chức hệ thống hành chính nhà nước Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25/12/2001 quy

định: “Quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan thuộc Chính phủ; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và hướng dẫn về tổ chức một số cơ quan chuyên môn để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với đặc điểm riêng của địa phương; quy định định mức biên chế hành chính, sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân”. Tuy nhiên, tại Mục 2 tổ chức lại, giải thể tổ chức tại Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước là không phù hợp với quy định tại Luật này và chưa xác định cụ thể loại hình để tổ chức lại, giải thể tổ chức thuộc tổ chức hành chính hay tổ chức sự nghiệp nhà nước;

- Tại Điều 13 Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Như vậy, riêng việc thành lập tổ chức hành chính nhà nước thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, do đó không cần thiết phải phát sinh thêm thủ tục.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước thay thế bằng Nghị định khác để bảo đảm nhất quán với Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Bãi bỏ nội dung công bố bộ thủ tục “Thẩm định đề án tổ chức lại tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước” số thứ tự 02 mục XXXX Phần II thuộc lĩnh vực Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Thẩm định đề án giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp, mã số hồ sơ: 100042

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định đề án giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước”

Lý do:

Tại khoản 3 Điều 16 nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong lĩnh vực tổ chức hệ thống hành chính nhà nước Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25/12/2001 quy định: “Quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan thuộc Chính phủ; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và hướng dẫn về tổ chức một số cơ quan chuyên môn để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với đặc điểm riêng của địa phương; quy định định mức biên chế hành chính, sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân”.

Tuy nhiên, tại Mục 2 tổ chức lại, giải thể tổ chức tại Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước là không phù hợp với quy định tại Luật này và chưa xác định cụ thể loại hình để tổ chức lại, giải thể tổ chức thuộc tổ chức hành chính hay tổ chức sự nghiệp nhà nước.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước thay thế bằng Nghị định khác để bảo đảm nhất quán với Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Bãi bỏ nội dung công bố bỏ thủ tục “Thẩm định đề án giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước” số thứ tự 03 mục XXXX Phần II thuộc lĩnh vực Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

XXXVII. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tổ chức hội, tổ chức phi Chính phủ

1. Thủ tục Công nhận Ban vận động thành lập Hội, mã số hồ sơ: 100410

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ và thời gian giải quyết thủ tục

Lý do: Tại khoản 2 Mục II Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội hướng dẫn việc công nhận Ban vận động thành lập hội đã quy định hồ sơ thành lập Ban vận động thành lập hội nhưng không quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thời gian và số lượng bộ hồ sơ cần nộp.

b) Bổ sung mẫu đơn để thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Về quy định trong thành phần hồ sơ thành lập Ban vận động thành lập hội có yêu cầu “Đơn xin công nhận Ban vận động thành lập hội” nhưng chưa được mẫu hóa thống nhất trên phạm vi cả nước nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục này.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung):

- Bổ sung quy định tại khoản 2 mục II Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, nội dung: “Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ”.

- Bổ sung quy định tại điểm c khoản 2 mục II Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, nội dung “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thành lập Ban vận động thành lập hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận”.

- Bổ sung việc ban hành mẫu đơn kèm theo Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ, gồm nội dung:

+ Tiêu đề mẫu “Đơn xin công nhận Ban vận động thành lập hội”.

+ Nội dung mẫu đơn:

* Tên hội

* Tôn chỉ, mục đích của hội

* Lĩnh vực mà hội dự kiến hoạt động

* Phạm vi hoạt động

* Dự kiến thời gian trừ bị thành lập hội

* Nơi tạm thời làm địa điểm hội họp, số điện thoại, hộp thư điện tử của Ban vận động

2. Thủ tục Thành lập, phê duyệt điều lệ quỹ (nếu được ủy quyền), mã số hồ sơ: 100419

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung quy định số lượng từng loại trong thành phần hồ sơ và số lượng bộ hồ sơ cần khi thực hiện thủ tục.

Lý do: Tại Điều 10 Chương II Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện quy định về hồ sơ Giấy phép thành lập nhưng không quy định cụ thể số lượng hồ sơ để cá nhân, tổ chức được biết khi chuẩn bị thủ tục xin thành lập Quỹ.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung):

Bổ sung quy định tại Điều 10 Chương II Nghị định số 148/2007/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/12/2008 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP, nội dung: “mỗi loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ cần chuẩn bị là 01 bản; số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ”.

3. Thủ tục Tạm đình chỉ (nếu được ủy quyền), mã số hồ sơ: 100426

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Tạm đình chỉ (nếu được ủy quyền)”

Lý do: Theo quy định tại khoản 1, Điều 27 Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, như vậy việc tạm đình chỉ hoạt động quỹ là biện pháp hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm của cá nhân, tổ chức trong việc tổ chức và hoạt động quỹ xã hội, quỹ từ thiện và việc thực hiện công việc này không đủ yếu tố của

thủ tục hành chính để cá nhân, tổ chức có nhu cầu yêu cầu cơ quan nhà nước thực hiện theo ý chí của mình.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Tạm đình chỉ (nếu được ủy quyền)” số thứ tự 03 mục XXXXI Phần II thuộc lĩnh vực Tổ chức hội, tổ chức phi Chính phủ tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục Quỹ bị giải thể (nếu được ủy quyền), mã số hồ sơ: 100430

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Quỹ bị giải thể (nếu được ủy quyền)”

Lý do: Tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; khoản 6 Mục VII Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/3/2008 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, như vậy việc “quỹ bị giải thể” là biện pháp hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm của cá nhân, tổ chức trong việc tổ chức và hoạt động quỹ xã hội, quỹ từ thiện và công việc này không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Quỹ bị giải thể (nếu được ủy quyền)” số thứ tự 05 mục XXXXI Phần II thuộc lĩnh vực Tổ chức hội, tổ chức phi Chính phủ tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thủ tục Thay đổi giấy phép thành lập hoặc công nhận điều lệ quỹ (nếu được ủy quyền), mã số hồ sơ: 100432

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung số lượng bộ hồ sơ cần nộp

Lý do: Tại khoản 3 Mục IV Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/3/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện không quy định rõ số lượng bộ hồ sơ để cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục này.

b) Bổ sung thời hạn giải quyết cần nộp

Lý do: Tại khoản 4 Mục IV Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/3/2008 Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, quy định: “Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc xin cấp lại giấy phép thành lập hoặc công nhận sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ xem xét, quyết định cấp lại giấy phép thành lập hoặc công nhận sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ. Trường hợp không đồng ý, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”. Về phạm vi hoạt động quỹ tại tỉnh hoặc tại huyện, xã (nếu được ủy quyền) như vậy việc quy định thời hạn nêu trên là không phù hợp đối với cấp huyện.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại khoản 3 Mục IV Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/3/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, cụ thể “Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 02 bộ”.

- Bổ sung quy định tại khoản 4 Mục IV Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/3/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, nội dung bổ sung: “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc xin cấp lại giấy phép thành lập hoặc công nhận sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ đối với cấp huyện (nếu được ủy quyền)”.

6. Thủ tục Đình chỉ thu hồi giấy phép thành lập quỹ (nếu được ủy quyền), mã số hồ sơ: 100434

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đình chỉ thu hồi giấy phép thành lập quỹ (nếu được ủy quyền)”

Lý do: Tại điểm a, khoản 7 Mục VII Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/3/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện quy định: “Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ra quyết định thu hồi giấy phép thành lập quỹ trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể quỹ hoặc sau thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập mà quỹ không hoạt động, không đáp ứng đủ các điều kiện để quỹ hoạt động theo quy định tại các khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 148/2007/NĐ-CP”.

Theo quy định tại văn bản nêu trên thì đây là biện pháp hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng khi cá nhân, tổ chức không đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật trong việc tổ chức và hoạt động quỹ xã hội, quỹ từ thiện, như vậy công việc này không đủ yếu tố của thủ tục hành chính.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đình chỉ thu hồi giấy phép thành lập quỹ (nếu được ủy quyền)” số thứ tự 07 mục XXXXI Phần II thuộc lĩnh vực Tổ chức hội, tổ chức phi Chính phủ tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thủ tục Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ (nếu được ủy quyền), mã số hồ sơ: 100436

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp và thời hạn giải quyết thủ tục

Lý do: Tại khoản 2, 3 Mục VII của Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/3/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện quy định về trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ được

thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ, nhưng không quy định số lượng hồ sơ cần nộp và thời hạn giải quyết khi thực hiện thủ tục này tại cấp huyện.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại khoản 3 Mục VII Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/3/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, cụ thể “Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 02 bộ”.

- Bổ sung nội dung đoạn cuối khoản 4 Mục IV Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/3/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, quy định bổ sung: “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc xin cấp lại giấy phép thành lập hoặc công nhận sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ đối với cấp huyện (nếu được ủy quyền).

8. Thủ tục Đổi tên quỹ (nếu được ủy quyền), mã số hồ sơ 100438

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung số lượng bộ hồ sơ cần nộp và thời hạn giải quyết thủ tục

Lý do: Tại khoản 4 Mục VII Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/3/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện nhưng không quy định số lượng hồ sơ cần nộp và thời hạn để thực hiện thủ tục này tại cấp huyện.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại khoản 4 Mục VII Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/3/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, cụ thể “Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 02 bộ”.

- Bổ sung nội dung tại đoạn cuối khoản 3 Mục IV Thông tư số 09/2008/TT-

BNV ngày 31/3/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, quy định bổ sung: “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ xem xét, quyết định cấp lại giấy phép, công nhận Điều lệ cho quỹ hợp nhất, sáp nhập, chia, tách tại cấp huyện (nếu có ủy quyền)”.

XXXVIII. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Thi đua, khen thưởng

1. Thủ tục Khen thưởng thành tích đột xuất, mã số hồ sơ: 100440

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ đã công bố

Lý do: Trong bộ thủ tục hành chính áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân quận - huyện tại thành phố Hồ Chí Minh quy định phải nộp: Bản khai thành tích, Trích biên bản cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị, Danh sách đề nghị khen thưởng là không phù hợp với quy định tại Điều 61 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Bổ sung quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp

Lý do: Tại Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng không quy định số lượng hồ sơ phải nộp.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung):

- Bãi bỏ các loại hồ sơ, gồm: Bản khai thành tích; Trích biên bản cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị; Danh sách đề nghị khen thưởng tại số thứ tự 01 mục XXXXII Phần II thuộc lĩnh vực Thi đua, khen thưởng tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung nội dung công bố thay thế thành phần hồ sơ đề nghị khen thưởng số thứ tự 01 mục XXXXII Phần II thuộc lĩnh vực Thi đua, khen thưởng tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Tờ trình đề nghị; Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích và công trạng để được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

- Bổ sung quy định tại Điều 61 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, nội dung: “Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ. Thời hạn giải quyết trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

2. Thủ tục Khen thưởng thành tích cấp quận - huyện (giấy khen của Ủy ban nhân dân cấp quận - huyện, mã số hồ sơ: 100442)

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung quy định số lượng hồ sơ phải nộp và thời gian giải quyết của thủ tục hành chính.

Lý do: Nội dung công bố trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân cấp quận - huyện tại thành phố quy định phải nộp: Bản khai thành tích, Trích biên bản cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị, Danh sách đề nghị khen thưởng là không phù hợp với hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định thủ tục đơn giản.

b) Bãi bỏ các nội dung trong thành phần hồ sơ được công bố tại bộ thủ tục hành chính áp dụng chung cho quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Lý do: Tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng không quy định số lượng hồ sơ phải nộp và thời hạn giải quyết thủ tục này.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung):

- Bãi bỏ các loại hồ sơ, gồm: Bản khai thành tích; Trích biên bản cuộc họp Hội

đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị; Danh sách đề nghị khen thưởng tại số thứ tự 02 mục XXXXII Phần II thuộc lĩnh vực Thi đua, khen thưởng tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung nội dung công bố thay thế thành phần hồ sơ đề nghị khen thưởng tại số thứ tự 02 mục XXXXII Phần II thuộc lĩnh vực Thi đua, khen thưởng tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố, gồm: Tờ trình đề nghị; Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích và công trạng để được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

- Bổ sung quy định tại Điều 61 Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, nội dung: “Số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ. Thời hạn giải quyết trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

3. Thủ tục Đề nghị khen thưởng cấp thành phố và cấp cao, mã số hồ sơ: 100444

3.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Đề nghị khen thưởng cấp thành phố và cấp cao”

Lý do:

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng: “Tờ trình đề nghị khen thưởng của sở - ban - ngành thành phố, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và cấp tương đương, Ủy ban nhân dân quận - huyện”.

- Thẩm quyền xét các danh hiệu: theo khoản 1 Điều 10 Chương IV của Quyết định số 169/2006/QĐ-UBND ngày 22/11/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh, đã quy định: “Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các cơ quan, đơn vị phải có trách nhiệm xem xét, đánh giá thành tích của các tập thể, cá nhân trực thuộc do cơ quan, đơn vị quản lý để khen thưởng và đề nghị lên cấp trên xét khen thưởng”.

Do đó, cấp quận - huyện chỉ là một quy trình bắt đầu của thủ tục hành chính này và chuyển đến cấp giải quyết tiếp theo và trả kết quả của thủ tục hành chính là thuộc thẩm quyền của thành phố. Đồng thời theo hướng dẫn của Tổ công tác chuyên trách của Thủ tướng Chính phủ không áp dụng đối với các thủ tục hành chính sau: trong quản lý nội bộ của các cơ quan nhà nước như thủ tục tăng lương, khen thưởng, kỷ luật cán bộ công chức....

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đề nghị khen thưởng cấp thành phố và cấp cao” số thứ tự 03 mục XXXXII Phần II thuộc lĩnh vực Thi đua, khen thưởng trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố đã được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục Khen thưởng thực hiện nhiệm vụ chính trị cấp quận - huyện, mã số hồ sơ: 100999

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi các nội dung: số lượng hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quyết định, cơ quan phối hợp (nếu có) được công bố tại bộ thủ tục hành chính áp dụng chung cho quận - huyện trên địa bàn thành phố.

b) Bổ sung thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Đây là thủ tục khen thưởng tặng giấy khen, danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện hàng năm cho cá nhân và tập thể hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong năm.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi nội dung công bố tại số thứ tự 04 mục XXXXII Phần II thuộc lĩnh vực Thi đua, khen thưởng tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, nội dung cụ thể:

+ Sửa đổi quy định “số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ”.

+ Sửa đổi cơ quan thẩm quyền quyết định là “Ủy ban nhân dân quận - huyện”.

+ Bãi bỏ nội dung cơ quan phối hợp (nếu có) là “Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố thuộc Sở Nội vụ”

- Bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 11 tại Quyết định số 169/2006/QĐ-UBND ngày 22/11/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kèm theo Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố, nội dung: “Thời gian giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện nhiệm vụ chính trị cấp quận - huyện là 20 ngày làm việc”.

5. Thủ tục Khen thưởng cán bộ có quá trình công hiến, mã số hồ sơ: 101002

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa quy định số lượng hồ sơ đề nghị xét khen thưởng các danh hiệu cấp cao phải nộp

Lý do: Tại khoản 4 Phần III Hướng dẫn số 56/HD-BTĐKT TW ngày 12/01/2006 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2005/NĐ-CP quy định số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp cao phải nộp là không đúng thẩm quyền.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Hợp pháp hóa quy định số lượng hồ sơ xét khen thưởng các danh hiệu cấp cao tại khoản 4 Phần III Hướng dẫn số 56/HD-BTĐKT TW ngày 12/01/2006 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để bổ sung các nội dung nêu trên tại Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Bãi bỏ quy định Phần III Hướng dẫn số 56/HD-BTĐKT TW ngày 12/01/2006 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2005/NĐ-CP về số lượng hồ sơ cần nộp cho mỗi danh hiệu đề nghị cấp cao khen thưởng.

6. Thủ tục Khen thưởng theo niên hạn cấp quận - huyện, mã số hồ sơ: 101005

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Khen thưởng theo niên hạn cấp quận - huyện”

Lý do: Tên gọi của thủ tục không được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực thi đua, khen thưởng và trùng lặp với thủ tục xét đề nghị các danh hiệu thi đua, như vậy không nhất thiết phát sinh thêm thủ tục này.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Khen thưởng theo niên hạn cấp quận - huyện” số thứ tự 06 mục XXXXII Phần II thuộc lĩnh vực Thi đua, khen thưởng tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thủ tục Khen thưởng đối ngoại cấp quận - huyện, mã số hồ sơ: 101006

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Khen thưởng đối ngoại cấp quận - huyện”

Lý do: Tên gọi của thủ tục không được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực thi đua, khen thưởng, do vậy không nhất thiết phát sinh thủ tục này.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Khen thưởng đối ngoại cấp quận - huyện” số thứ tự 07 mục XXXXII Phần II thuộc lĩnh vực Thi đua, khen thưởng tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thủ tục Xác nhận khen thưởng và cấp đổi hiện vật, mã số hồ sơ: 101007

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận khen thưởng và cấp đổi hiện vật”

Lý do: Tên gọi và thủ tục xác nhận khen thưởng và cấp đổi hiện vật không được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực thi đua, khen thưởng, do vậy không nhất thiết phát sinh thủ tục này.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận khen thưởng và cấp đổi hiện vật” số thứ tự 08 mục XXXXII Phần II thuộc lĩnh vực Thi đua, khen thưởng tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

9. Thủ tục Khen thưởng phong trào thi đua cấp quận - huyện (theo đợt hoặc chuyên đề), mã số hồ sơ: 101011

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Khen thưởng phong trào thi đua cấp quận - huyện (theo đợt hoặc chuyên đề)”

Lý do: Trùng lặp với thủ tục “Khen thưởng thành tích cấp quận - huyện, mã số hồ sơ 100442”.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Khen thưởng phong trào thi đua cấp quận - huyện (theo đợt hoặc chuyên đề)” số thứ tự 09 mục XXXXII Phần II thuộc lĩnh vực Thi đua, khen thưởng tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

XXXIX. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tôn giáo

1. Thủ tục Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác hoạt động trong phạm vi quận, huyện, mã số hồ sơ: 100379

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác hoạt động trong phạm vi quận, huyện”

Lý do:

- Tại Điều 12 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 quy định thủ tục “Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác”, tuy nhiên trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố là thủ tục “Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác hoạt động trong phạm vi quận, huyện” là không phù hợp tên thủ tục theo quy định.

- Xuất phát từ đặc thù hoạt động của một tổ chức tôn giáo là ở phạm vi rộng nhiều tỉnh, thành phố hoặc nhiều quận - huyện trên địa bàn thành phố; hai trường hợp nêu trên đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác hoạt động trong phạm vi quận, huyện” số thứ tự 01 mục XXXXIII Phần II thuộc lĩnh vực Tôn giáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bãi bỏ đoạn “Việc đăng ký hoạt động của dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác của tôn giáo được áp dụng như đối với hội đoàn tôn giáo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Pháp lệnh này” tại Điều 20 Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004.

- Bãi bỏ điểm a “Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi hội đoàn hoạt động” tại khoản 2 Điều 19 Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004.

2. Thủ tục Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác hoạt động trong và ngoài quận, huyện, mã số hồ sơ: 100386

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác hoạt động trong và ngoài quận, huyện”

Lý do:

- Tại Điều 12 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 quy định thủ tục “Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác”, tuy nhiên trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố là thủ tục “Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác hoạt động trong và ngoài quận, huyện” là không phù hợp tên thủ tục theo quy định.

- Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 và đoạn 2 Điều 20 của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004, quy định: “Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong nhiều huyện, quận, thị xã thành phố trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi hội đoàn hoạt động”, như việc phát sinh thủ tục này tại cấp huyện, quận là không cần thiết.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác hoạt động trong và ngoài quận, huyện” số thứ tự 02 mục XXXXIII Phần II thuộc lĩnh vực Tôn giáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Tiếp nhận đăng ký hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong huyện, quận, thị xã, mã số hồ sơ: 100388

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung quy định số lượng hồ sơ

Lý do: Tại khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, quy định: “Tổ chức tôn giáo khi tổ chức các cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 25 Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo” nhưng không quy định cụ thể số lượng bộ hồ sơ tổ chức tôn giáo cần nộp khi thực hiện.

b) Sửa đổi thời gian giải quyết.

Lý do: Tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, quy định: “Sau 45 ngày, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ...” là không phù hợp trong điều kiện phương tiện thông tin hiện nay rất thuận lợi trong việc thẩm tra các nội dung đăng ký.

c) Sửa đổi các nội dung trong bản đăng ký.

Lý do: Những nội dung yêu cầu trong bản đăng ký không cần thiết.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, nội dung “Số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ”.

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, nội dung “Thời gian giải quyết là 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ”.

- Bổ sung Phụ lục mẫu tờ khai đang thực hiện kèm theo Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, nội dung:

+ Bổ sung cụm từ “hoạt động đúng pháp luật” tại nội dung cam kết.

+ Bãi bỏ nội dung “Ngày... tháng.... năm đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ” tại phần cuối góc trái biểu mẫu.

4. Thủ tục Chấp thuận cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi huyện, mã số hồ sơ: 100398

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung quy định số lượng hồ sơ

Lý do: Tại khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo,

quy định: “Tổ chức tôn giáo khi tổ chức các cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 25 Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo” nhưng không quy định cụ thể số lượng bộ hồ sơ tổ chức tôn giáo cần nộp khi thực hiện.

b) Sửa đổi thời gian giải quyết

Lý do: Tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, quy định: “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ...” là không phù hợp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục đang áp dụng rất thuận lợi trong việc thẩm tra các nội dung đăng ký.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, nội dung “Số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ”.

- Sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 26 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, nội dung: “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ...”.

5. Thủ tục Chấp thuận hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở, mã số hồ sơ: 100400

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung quy định số lượng hồ sơ

Lý do: Tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, quy định về hồ sơ được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi diễn ra hội nghị, đại hội không quy định cụ thể số bộ hồ sơ cần nộp để tổ chức tôn giáo để thực hiện và thuận lợi đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

b) Hợp pháp hóa và bãi bỏ các nội dung mẫu “Đơn đề nghị” (mẫu M 9)

Lý do: Những nội dung yêu cầu trong bản đăng ký không cần thiết.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, nội dung “Số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ”.

- Bổ sung Phụ lục mẫu tờ khai đang thực hiện kèm theo Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, nội dung

- Bãi bỏ nội dung “Ngày... tháng.... năm đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ” Tại phần cuối góc trái biểu mẫu,

6. Thủ tục Đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành, mã số hồ sơ: 100402

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành”

Lý do: Thay thế bằng biện pháp tổ chức tôn giáo chỉ cần thông báo bằng văn bản về việc chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành mà không cần thiết phát sinh thủ tục này để giảm bớt thủ tục gây phiền hà cho hoạt động của tổ chức tôn giáo.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành” số thứ tự 06 mục XXXXIII Phần II thuộc lĩnh vực Tôn giáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thủ tục Thông báo về việc chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành, mã số hồ sơ: 100406

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Thông báo về việc chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành”

Lý do: Thay thế bằng biện pháp tổ chức tôn giáo chỉ thông báo bằng văn bản việc chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành nhằm giảm bớt và không cần thiết phát sinh thành thủ tục hành chính gây phiền hà cho hoạt động của tổ chức tôn giáo.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Thông báo về việc chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành” số thứ tự 07 mục XXXXIII Phần II thuộc lĩnh vực Tôn giáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thủ tục Thông báo quyền góp trong phạm vi một quận - huyện của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, mã số hồ sơ: 100408

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Thông báo quyền góp trong phạm vi một quận - huyện của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo”

Lý do: Thay thế bằng biện pháp phối hợp các cơ quan chức năng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường nơi tổ chức tôn giáo trú đóng thực hiện việc giám sát quyền góp của tổ chức tôn giáo không trái quy định pháp luật.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Thông báo quyền góp trong phạm vi một quận - huyện của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo” số thứ tự 08 mục XXXXIII Phần II thuộc lĩnh vực Tôn giáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

9. Thủ tục Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở, mã số hồ sơ: 100412

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Quy định số lượng hồ sơ

Lý do: Tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo về hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký của tổ chức tôn giáo không quy định cụ thể số lượng bộ hồ sơ cần nộp để thực hiện thủ tục này.

b) Điều chỉnh thời hạn giải quyết.

Lý do: Tại khoản 3 Điều 21 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, quy định “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.....” là không phù hợp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục đang áp dụng rất thuận lợi trong việc thẩm tra các nội dung đăng ký.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 21 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, nội dung: “Số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ”.

- Điều chỉnh quy định “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.....” tại khoản 3 Điều 21 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo được điều chỉnh quy định mới như sau: “Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị”.

10. Thủ tục Chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo, mã số hồ sơ: 100417

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Bổ sung quy định số lượng hồ sơ

Lý do: Tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo việc

giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo không quy định cụ thể số lượng bộ hồ sơ cần nộp để thực hiện thủ tục này.

b) Sửa đổi thời gian giải quyết.

Lý do: Tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ....” là không phù hợp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục đang áp dụng rất thuận lợi trong việc thẩm tra các nội dung đăng ký.

c) Sửa đổi các nội dung mẫu đơn.

Lý do: Những nội dung yêu cầu trong bản đăng ký không cần thiết.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, nội dung: “Số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ”.

- Điều chỉnh quy định: “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ....” tại khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo được điều chỉnh quy định mới như sau: “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ”.

- Bổ sung Phụ lục mẫu đăng ký kèm theo Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo.

11. Thủ tục Hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký việc tổ chức khánh thành cơ sở thờ tự tôn giáo, mã số hồ sơ: 100421

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký việc tổ chức khánh thành cơ sở thờ tự tôn giáo”

Lý do:

- Việc khánh thành một cơ sở tôn giáo là không thường xuyên và khách mời thường là do nhiều địa phương đến dự.

- Thủ tục này trùng lặp với thủ tục “Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở, mã số hồ sơ 100417”.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký việc tổ chức khánh thành cơ sở thờ tự tôn giáo” số thứ tự 11 mục XXXXIII Phần II thuộc lĩnh vực Tôn giáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung quy định tại khoản 5 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng tôn giáo trình tự thực hiện thủ tục “Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở”, nội dung:

+ Trình tự thực hiện: nộp hồ sơ và nhận văn bản chấp thuận tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị (nêu rõ người tổ chức chủ trì hoạt động, dự kiến thành phần, số lượng người tham dự, nội dung hoạt động thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động, các điều kiện bảo đảm).

+ Số lượng hồ sơ 02 bộ;

+ Thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ.

12. Thủ tục Xác nhận chữ ký của người quản lý cơ sở tôn giáo bảo lãnh cho chức sắc, nhà tu hành đăng ký thường trú, mã số hồ sơ: 100424

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận chữ ký của người quản lý cơ sở tôn giáo bảo lãnh cho chức sắc, nhà tu hành đăng ký thường trú”

Lý do: Việc xác nhận chữ ký của người quản lý bảo lãnh cho chức sắc là không cần thiết và biện pháp thay thế thực hiện thủ tục này là đăng ký thường trú cho chức sắc, nhà tu hành tại cơ sở tôn giáo có thể áp dụng cơ chế một cửa liên thông do Công an cấp quận - huyện là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả, như vậy thực hiện xác nhận

chữ ký của người quản lý chỉ là một bước trong quy trình trong cơ chế một cửa liên thông nêu trên. thời gian giải quyết tại Ủy ban nhân dân quận - huyện là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ do công an chuyển đến.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xác nhận chữ ký của người quản lý cơ sở tôn giáo bảo lãnh cho chức sắc, nhà tu hành đăng ký thường trú” số thứ tự 12 mục XXXXIII Phần II thuộc lĩnh vực Tôn giáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

XXXX. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Thủ tục tiếp dân, mã số hồ sơ: 101013

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi quy định thời gian

Lý do: Vì chỉ căn cứ vào nội dung ý kiến, khiếu nại, tố cáo để phân loại đơn và làm công văn chuyển nội dung khiếu nại và hồ sơ cho cơ quan thụ lý, đồng thời thông báo cho công dân hoặc tổ chức biết. Không phải xác minh nên không cần nhiều thời gian.

b) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Lý do: Quyết định số 494/2007/QĐ-UBND ngày 06/6/2007 của Ủy ban nhân dân quận 1 là căn cứ pháp lý để thực hiện thủ tục này là không hợp lý trong bộ thủ tục hành chính áp dụng chung trên địa bàn thành phố.

c) Nội dung mẫu đơn, mẫu tờ khai

Lý do: Định hướng những nội dung mà công dân hoặc tổ chức cần trình bày.

d) Điều chỉnh nội dung yêu cầu trong mẫu đơn.

Lý do: Yêu cầu nội dung “Đối tượng bị khiếu nại” gây khó hiểu cho công dân hoặc tổ chức làm đơn

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 10 Mục 2 Quyết định số 132/2006/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, nội dung: “Trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận đơn bộ phận tiếp dân sẽ luân chuyển đơn đến bộ phận thụ lý và thông báo việc thụ lý đến công dân hoặc tổ chức”.

- Bổ sung, bãi bỏ các nội dung tại số thứ tự 01 mục XXXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại quận - huyện trên địa bàn thành phố được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh như sau:

+ Bổ sung nội dung tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn khiếu nại (M01).

+ Bổ sung nội dung căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 27/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành biểu mẫu nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

+ Bãi bỏ nội dung công bố căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính Quyết định số 494/2007/QĐ-UBND ngày 06/6/2007 của Ủy ban nhân dân quận 1 về việc ban hành Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quận 1.

+ Điều chỉnh lại nội dung yêu cầu trong mẫu đơn là “Tên cá nhân hoặc tổ chức bị khiếu nại” thay thế cho nội dung “Đối tượng bị khiếu nại” tại Danh mục biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 27/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành biểu mẫu nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thủ tục Tiếp dân (tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, dân nguyện, kiến nghị, phản ánh...), mã số hồ sơ: 101020

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Tiếp dân (tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, dân nguyện, kiến nghị, phản ánh...)”

Lý do:

- Tại Điều 74 Chương V Luật Khiếu nại, tố cáo quy định: “Thủ trưởng các cơ quan nhà nước có trách nhiệm trực tiếp tiếp công dân và tổ chức việc tiếp công dân đến trình bày khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo; bố trí cán bộ có phẩm chất tốt, có kiến thức và am hiểu chính sách pháp luật, có ý thức trách nhiệm làm công tác tiếp công dân”.

- Tại Điều 46 Chương IV Nghị định số 136/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ hướng dẫn Luật Khiếu nại, tố cáo quy định: “Thủ trưởng cơ quan nhà nước phải tổ chức và quản lý nơi tiếp công dân của cơ quan mình; ban hành nội quy tiếp công dân; bố trí nơi tiếp công dân tại địa điểm thuận tiện; bảo đảm các điều kiện vật chất cần thiết để công dân đến trình bày khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh”.

- Việc tiếp công dân còn được quy định tại Nghị định số 89/CP ngày 07/8/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức tiếp công dân.

Như vậy, mục tiêu việc tiếp công dân là tiếp nhận các thông tin, kiến nghị, phản ánh góp ý những vấn đề liên quan đến chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, công tác quản lý của cơ quan, đơn vị; tiếp nhận khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị để xem xét ra quyết định, kết luận giải quyết hoặc trả lời cho công dân biết theo đúng thời hạn quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; hướng dẫn công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo đúng chính sách, pháp luật, đúng cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, giữa những văn bản nêu trên lại có sự chồng chéo, thiếu thống nhất. Vì vậy, quy định hiện hành việc tiếp công dân gây ra những khó khăn, vướng mắc nhất định cho các cơ quan nhà nước và cả công dân. Do đó, cần phải thống nhất tên gọi về thủ tục này vì tiếp dân và xử lý đơn là một quy trình khép kín trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân mà không cần thiết phải phát sinh thủ tục này.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Tiếp dân (tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, dân nguyện, kiến nghị, phản ánh...)” số thứ tự 02 mục XXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Bãi bỏ Nghị định số 89/CP ngày 07/8/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế

tổ chức tiếp công dân để ban hành Nghị định khác thay thế cho phù hợp với Luật Khiếu nại, tố cáo và tạo hành lang pháp lý cho công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định.

- Sửa đổi tiêu đề Chương V Luật Khiếu nại, tố cáo là “Tiếp công dân và xử lý đơn” và bổ sung quy định chi tiết về công tác tiếp công dân và xử lý đơn nhằm hoàn thiện hệ thống, tránh sự trùng lặp, chồng chéo trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo; tạo điều kiện thuận lợi cho công dân khiếu nại đến trình bày tâm tư, nguyện vọng cũng như gửi đơn khiếu nại, tố cáo theo quy định và giải quyết kịp thời, nhanh chóng những yêu cầu, bức xúc của công dân.

- Bổ sung 01 điều vào Chương V Luật Khiếu nại, tố cáo về công tác tiếp công dân và xử lý đơn.

- Sửa đổi tiêu đề Chương IV là “Việc tiếp công dân và xử lý đơn thư”, bổ sung quy định việc xử lý đơn thư vào nội dung tiếp công dân tại Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo.

- Bổ sung việc ban hành hướng dẫn thống nhất việc tiếp công dân trong phạm vi cả nước, quy định cụ thể về trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan nhà nước trong việc tiếp công dân theo định kỳ và những trường hợp có yêu cầu khẩn thiết phải tiếp công dân; quy định về trách nhiệm của cơ quan đơn vị có liên quan và cơ quan Thanh tra nhà nước trong việc giúp thủ trưởng tiếp công dân như: chuẩn bị thông tin, tài liệu, cử cán bộ ghi biên bản, làm văn bản hướng dẫn và trả lời công dân.

- Thanh tra Chính phủ cần sớm tham mưu cho Chính phủ ban hành 01 Nghị định mới để thay thế Nghị định số 89/CP ngày 07/8/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế tiếp công dân cho phù hợp tình hình hiện nay.

3. Thủ tục xử lý đơn thư, mã số hồ sơ: 101027

3.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Xử lý đơn thư”

Lý do: Việc tiếp công dân và xử lý đơn đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 89/1997/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/8/1997 về việc ban hành Quy chế tổ chức tiếp công dân và Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998, được sửa đổi, bổ sung năm 2004

và 2005. Do đó, việc có quy định thủ tục này hay không thì việc tiếp công dân và xử lý đơn vẫn được thực hiện theo các quy định tại hai văn bản pháp luật nói trên.

Tuy nhiên giữa hai văn bản pháp luật nói trên quy định chưa thống nhất về số lượt tiếp công dân của Lãnh đạo. Cụ thể, Điều 7 Nghị định số 89/1997/NĐ-CP và Điều 76 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998, được sửa đổi, bổ sung năm 2004 và 2005 chưa quy định thống nhất.

Cần phải thống nhất tên gọi thủ tục “tiếp dân và xử lý đơn thư” vì tiếp dân và xử lý đơn là một quy trình khép kín trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân mà không cần thiết phải phát sinh thủ tục này.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xử lý đơn thư” số thứ tự 03 mục XXXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu, nại tố cáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục Xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và dân nguyện, mã số hồ sơ: 101029

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và dân nguyện”

Lý do: Trong thực tiễn, Việc tiếp công dân và xử lý đơn đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 89/1997/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/8/1997 về việc ban hành Quy chế tổ chức tiếp công dân và Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998, được sửa đổi, bổ sung năm 2004 và 2005. Do đó, việc có quy định thủ tục này hay không thì việc tiếp công dân và xử lý đơn vẫn được thực hiện theo các quy định tại hai văn bản pháp luật nói trên.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và dân nguyện” số thứ tự 04 mục XXXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố

cáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thủ tục Giải quyết khiếu nại (của tổ chức), mã số hồ sơ: 101696

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết khiếu nại (của tổ chức)”

Lý do: Trùng lặp với thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu, vì thủ tục khiếu nại lần đầu đã bao hàm cả tổ chức, nên không cần thiết phải tách riêng ra thành một thủ tục giải quyết khiếu nại của tổ chức.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết khiếu nại (của tổ chức)” số thứ tự 08 mục XXXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thủ tục Giải quyết tranh chấp đất đai, mã số hồ sơ: 102074

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp

Lý do:

- Tại khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 quy định: “Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết”.

- Tại điểm g khoản 1 Điều 11 Quyết định số 132/2006/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 của UBND thành phố về ban hành Quy định về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố quy định thành phần hồ sơ giải quyết tranh chấp về nhà, đất là “Nếu tranh chấp về quyền sử dụng nhà thì phải

sao lục họa đồ hiện trạng nhà tại cơ quan quản lý nhà, ghi chú trên bản vẽ các phần nhà đang tranh chấp.”

- Từ những quy định trên không xác định rõ cơ quan nào tiếp nhận giải quyết tranh chấp sẽ gây khó khăn cho cá nhân khi có yêu cầu giải quyết tranh chấp.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung quy định tại điểm g khoản 1 Điều 11 Quyết định số 132/2006/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố.

7. Thủ tục Giải quyết đơn dân nguyện, mã số hồ sơ: 102077

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết đơn dân nguyện”

Lý do: Đây chỉ là quy trình tác nghiệp nội bộ của Ủy ban nhân dân quận 11, do đó không đưa vào bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết đơn dân nguyện” số thứ tự 10 mục XXXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thủ tục Giải quyết khiếu nại về đất đai, mã số hồ sơ: 102078

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết khiếu nại về đất đai”

Lý do: Đây chỉ là quy trình tác nghiệp nội bộ của Ủy ban nhân dân quận 11, do

đó không đưa vào bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết khiếu nại về đất đai” số thứ tự 11 mục XXXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

9. Thủ tục Giải quyết khiếu nại các lĩnh vực khác theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo, mã số hồ sơ: 102079

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết khiếu nại các lĩnh vực khác theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo”

Lý do: Đây chỉ là quy trình tác nghiệp nội bộ của Ủy ban nhân dân quận 11, do đó không đưa vào bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết khiếu nại các lĩnh vực khác theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo” số thứ tự 12 mục XXXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

10. Thủ tục Giải quyết khiếu nại liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư, mã số hồ sơ: 102080

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết khiếu nại liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư”

Lý do: Đây chỉ là quy trình tác nghiệp nội bộ của Ủy ban nhân dân quận 11, do đó không đưa vào bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết khiếu nại liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư” số thứ tự 13 mục XXXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

11. Thủ tục Giải quyết đơn tranh chấp về quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước, mã số hồ sơ: 102082

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết đơn tranh chấp về quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước”

Lý do: Đây chỉ là quy trình tác nghiệp nội bộ của Ủy ban nhân dân quận 11, do đó không đưa vào bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết đơn tranh chấp về quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước” số thứ tự 14 mục XXXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

12. Thủ tục Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng, mã số hồ sơ: 102085

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục “Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua khen thưởng”

Lý do: Căn cứ Điều 98 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 10/12/2003, quy định: “Cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Tổ chức có quyền khiếu nại về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.”...

Do đó, thủ tục khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng được thực hiện theo thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu và thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 được quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục “Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua khen thưởng” số thứ tự 15 mục XXXXIV Phần II thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

(Xem tiếp Công báo số 49 + 50)

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng